

SỐ 1833

THÀNH DUY THỨC LUẬN DIỄN BÍ

Sa-môn Trí Châu soạn.

QUYỂN 1 (PHẦN ĐẦU)

Sớ: Căn cơ có ba bậc không đồng.

Người tánh bất định quay về Phật pháp, trí hiểu sâu cạn, ba thời tỏ ngộ khác nhau nên gọi là ba cơ, không phải đứng về định lập ra ba bậc, chỉ đối với bất định lập ra ba thời.

Sớ: Do đây, hai bậc Thánh cùng chấp có chấp không.

Hỏi: Chỉ nhắm trong bất định lập có ba thời, tại sao có hai bậc Thánh cùng chấp không chấp có?

Đáp: Đầu nói bất định, duy chỉ có mỗi người đã có nhiều, ngộ cũng có trước sau, trước sau đều do sở chứng, cùng chấp có lỗi gì? Lại dù một người, chấp trước sau sai khác, đối chấp không đồng, cũng được gọi là cùng.

Sớ: Kinh Giải Thâm Mật chép: Duy thức là xét kinh ấy phẩm thứ nhất ghi: “Này Quảng Tuệ! Phải biết sinh tử trong sáu đường, hữu tình trong mỗi đường, hoặc phân thân sinh khởi ở bốn loài, ở trong đó tất cả chủng tử tâm thức đầu tiên thành tựu. Quảng Tuệ! Thức đây tên là A-đà-na, cũng gọi là A-lại-da, cũng gọi là tâm là y chỉ, nên sáu thức thân chuyển, như nhờ nước mạnh mà có sóng nổi, nhờ gương sáng sạch có ảnh tượng khởi”.

Sớ: Kinh Hoa Nghiêm chép: Duy tâm, xét kinh ấy bài tụng thứ 19 ghi: “Ví như người thợ vẽ, không thể biết tự tâm, mà do tâm nên vẽ, các pháp tánh như vậy. Nếu người biết tâm hành, tạo khắp các thế gian,

người ấy ắt thấy Phật, rõ Phật chân thật tánh, nếu người muốn biết rõ, tất cả Phật ba đời, nên quán tánh pháp giới, tất cả duy tâm tạo”.

Lại, trong kinh Đại Bát-nhã phẩm 467 ghi: “Nghĩa là các Bồ-tát khởi tư duy như vậy: Các hành như huyễn, chỉ là do hư vọng phân biệt hiện khởi, tất cả đều tự tâm sở biến”. Chuẩn theo đây Kinh Bát-nhã trong thời thứ hai cũng nói Duy thức, số nương theo phần nhiều nói thời thứ hai.

Sớ: Chia ba mươi bài tụng lìa rộng lược.

Có thuyết nói trong Du-già giảng rộng, trong Nhị Thập luận nói sơ lược, khác với hai luận trước gọi là lìa rộng lược.

Biện rằng: Chưa chắc như vậy, nhưng rõ ràng có sở đắc trong đó nên nói lìa rộng lược, đâu cần phải chỉ trích.

Sớ: Chỉ có Vô lậu đại định trí bi.

Hỏi: Chỉ có định v.v... rõ ràng không có văn nghĩa, đã chỉ về ba pháp nên không có sắc thân chẳng?

Đáp: Có hai giải thích

1. Không có sở kiến, cũng chỉ có biến của thức năng kiến, như văn nghĩa v.v...

2. Phật lìa hý luận, danh ngôn v.v..., y bản nguyện, đại bi bản hiện sắc thân khiến người thấy có lợi ích, do chẳng phải hý luận cho nên có sắc thân.

Biện rằng: Xét trong luận Phật Địa, luận này quyển 10, nghĩa trước là chính, đến văn đó tự rõ.

Sớ: Nếu nương tự thức, nghe pháp là thức, gọi là tự thức.

Hỏi: Phật không có văn nghĩa, Hữu lậu thức biến tại sao nói giống? Vì không có chỗ giống chẳng?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Gọi là đồng, thức Phật tuy không có nhưng nghe pháp, nghĩa là Phật thật nói, cho nên trên tự tâm có văn nghĩa giống, tuy không có bản chất, chỗ giống gọi là đồng, giống tự nơi tâm nên cũng không có lỗi, như nói “giống tôi” vì thuần giống bên trong.

2. Tự Phật Vô lậu chẳng phải văn nghĩa, không có sở tự, lời nói văn nghĩa cùng theo đến.

Biện rằng: Nghĩa sau khó nương, vốn nói giáo thể, vì không muốn chỉ biện lậu Vô lậu.

Có thuyết nói: Địa thứ bảy trở về trước tâm vị Hữu lậu quá ít nên gọi là tự Vô lậu, chẳng phải đứng về ảnh chất gọi là tương tự.

Biện rằng: Ý số tổng nói các văn nghĩa tâm sở biến Hữu lậu,

không chỉ Địa thứ bảy, lẽ nào hàng Địa tiền v.v... không nghe Phật nói, nếu chịu nghe, thì tự biết sở biến đâu không được gọi là tợ Vô lậu? Đã được gọi tợ nên giải thích trước là đúng.

Hỏi: Nếu Phật không lấy lá rừng v.v... để dụ thì lấy gì thông?

Đáp: Căn cứ vì duyên cớ ấy khiến các hữu tình hiểu thức biến, nghĩa là những gì ta đã nói như lá trong tay; chưa làm tác duyên, tự tâm chúng sinh chưa khởi cách hiểu, nghĩa là những gì ta chưa nói như lá trong rừng, đứng về Tăng thượng duyên nên gọi là nói, không nói.

Sớ: Thành sở dẫn thanh, lược có ba giải thích:

1. Mười hai phần giáo: Là nơi dẫn sinh thành mãn các bậc Thánh gọi là thành sở dẫn.

2. Thành mãn Thánh: Vì các hữu tình thi thiết ngôn giáo, lại lập sở dẫn khởi đạo lý gọi là thành sở dẫn.

3. Thành nghĩa là thành thật, thật nghĩa là tiếng lợi lạc sở khởi gọi là thành sở dẫn.

Biện rằng: Hai nghĩa trước hạn cuộc, lý thứ ba thông. Luận Đối Pháp ghi: Thành sở dẫn thanh nghĩa là các Thánh đã nói, Hữu học không thể gọi là Mãn thánh, nếu nói tự phần mãn cũng gọi là mãn, bao gồm Hữu học là chuẩn theo đây có thể thông, nhưng cũng có lẫn lộn lý không rõ. Nay giải thích: Thành là thành tựu, tức được tên khác, được các Thánh nhân không luận Hữu học và Vô học, chỉ lợi vật làm pháp sở khởi ngôn giáo gọi là Thành sở dẫn.

Sớ: Pháp của ta chỉ có thiện, ông chỉ có Vô ký.

Xét trong luận Thiên Thân ghi: Do tất cả thiện căn đầy đủ nên được Vô thượng Bồ-đề.

Lại có người nghi, nếu tất cả thiện pháp đầy đủ, được Vô thượng Bồ-đề thì pháp sở thuyết không được đại Bồ-đề, vì sao? Vì pháp sở thuyết là pháp Vô ký. Nghĩa này không đúng, vì sao? Vì pháp ông là Vô ký, pháp ta là ký, giải thích ông là Tiểu thừa Tát-bà-đa. Pháp ta Thiên Thân chỉ tự Đại thừa. Ký tức thiện tánh, có là ngay quả và thắng tự thể có thể ký biệt.

Sớ: Hai thức thành quyết định.

Có hai giải thích:

1. Nói là thành bi quyết định, nghe là tuệ quyết định.

2. Do gần hai bạn thiện ác khiến khéo gần là thành đối với tà chánh hai thức quyết định.

Hỏi: Có người nói pháp nương các tâm khởi nghe pháp không hiểu, gần ác sinh thiện, gần thiện lại ác, nghĩa quyết định ở đâu?

Đáp: Căn cứ nhiều phần mà nói, hoặc làm nhân xa.

Sớ: Nghĩa là các tướng tục khác đến thức sai biệt.

Nghĩa là người thuyết pháp là các người nghe khác, tương tục tức là thân, thân có hai phần thức duyên sai biệt, có thể cùng người nghe làm duyên, khiến các tướng tục khác, trái lại trên có thể biết.

Sớ: Tùy đọa tám thời.

Nghĩa tám thời, đủ như trong Pháp Uyển giải thích.

Lại Tam tạng Hòa thượng Tiến Phước giải thích: Tùy theo lúc đọa lạc dục, vì sao? Đáp rằng: Tiếng Phạm là Nhất-sắc-tra, Hán dịch lạc. Ngạch-sắc-tra, Hán dịch là tám thời. Nhiếp luận bản tiếng Phạm nói Nhất-sắc-tra, nghĩa là lạc dục.

Hỏi: Hai vị Tam tạng đều đích thân đến Kỳ Viên đồng xem kinh tạng, bỗng gặp một nghĩa, giải thành ý này ý kia chẳng?

Đáp: Cả hai đều không có lỗi, vì sao? Xem Thiên Trúc, một vật danh nghĩa hợp nhiều. Lại như Đế Thích có đủ ngàn hiệu, giải thích trước căn cứ trải qua thời gian mà khởi văn nghĩa, cho nên nói tám chuyển tám thời, giải thích nương pháp mà mình mến mộ nên giáo thể sinh, nên nói Tùy đọa lạc dục.

Hỏi: Luận bản nếu có một hoặc hai lời, trước sau Tam tạng có thể tùy theo lấy một tướng chẳng? Phạm bản ắt không có hai chữ, tại sao được nói tùy theo lấy một?

Đáp: Tại sao bỏ luận Vô Tánh soạn, trước sau không đồng. Điều mà hai vị ấy thấy vốn có sai khác, cũng như phương đây các nhà trừ tác làm xen nhau trước sau, loại ấy rất nhiều, lấy đây chuẩn theo kia nào có lỗi gì.

Sớ: Như nói các chữ đến giáo thể cũng thành.

Một đoạn văn này căn cứ bảy tâm và mười hai tâm kia hợp làm pháp, suy nghĩ chuẩn theo có thể rõ, rộng như Pháp Uyển, Quyết Trạch giải thích.

Sớ: Nếu không như vậy thì Chân như cũng vậy.

Nếu không lấy tánh dụng chất sai biệt đưa ra giáo thể, giáo Vô lậu tùy theo có thể nghe lại thành các lỗi lậu. Tam bảo vô vi tùy theo tâm năng duyên cũng thành các lỗi Hữu vi Hữu lậu.

Hỏi: Nếu Phật thật nói kinh, sao lại nói không nói một chữ?

Đáp: Có ba giải thích:

1. Pháp chư Phật đồng, lìa ngoài pháp chư Phật đã nói, không có pháp để nói gọi là không nói.

2. Tất cả các pháp đều lấy Như làm tánh, Chân như lìa ngôn thuyết

gọi là không thuyết pháp, lại không như pháp ngoại đạo có thể nói, tổng gọi là không nói.

3. Như mắt v.v... pháp tánh tự vốn có, không do nói rồi mới có, nên nói không nói.

Lại có giải thích khác, như Pháp Uyển, Quyết Trạch giải thích.

Hỏi: Chân như đứng về năng thuyên để phân ba tánh, nay tùy theo năng biến thông nhiệm có lỗi gì?

Đáp: Đứng về năng thuyên để phân ba tánh có thể như vậy, nay luận về thật thể, nhiệm tức không đúng, các vấn hỏi chuẩn theo giải thích.

Sớ: Bồ-tát Thiên Thân làm ba mươi bài tụng.

Hỏi: Đề luận vì sao không nêu bốn sự?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Văn bản tụng lược, nghĩa cũng chưa rõ, giải thích văn rộng rõ sẽ hiển bày đề.

2. Thành Duy Thức gọi Duy Thích luận, cho nên đây chỉ nêu sự Thích luận.

Biện rằng: Vốn vì nêu người tạo Thích luận, không phải Thế Thân cho nên không nói, lẽ nào liên quan đến văn lược nghĩa thiếu nên không nêu. Lại hiện làm tiêu đề tuy gọi là Thích luận, nêu bản tụng kia cũng lại là tiêu đề nên nói Thành Duy Thức luận. Nói Thành Duy Thức và Duy Thích luận cũng thiếu phân biệt lựa chọn.

Luận: Bồ-tát Hộ pháp v.v... tạo.

Hỏi: Luận Đại Tỳ-bà-sa các bậc Thánh soạn rõ, nên đầu đề nói các bậc La-hán tạo, luận đây cũng vậy, vì sao không đồng chữ để Bồ-tát ở sau?

Đáp: Luận kia La-hán cùng Hòa Tu Mật Bồ-tát cùng tu vì đồng hàng Bồ-tát nên để ở sau v.v... vì đồng khác loại, đây chỉ có Bồ-tát, nên đồng ở trên, như đồng chữ để sau, sợ nghi v.v... trong đó khác loại Thanh văn.

Sớ: Xét trong bản văn, trong khoa nói rõ kinh luận vốn ở Tây Vực, đại khái phân làm ba, trên dưới cũng có, như luận Trí Độ cũng nói ba phần, nghĩa là bài tựa, chánh tông, lưu thông.

Trong Luận Phật Địa cũng có ba phần:

1. Giáo khởi nhân duyên phần.

2. Thánh giáo chánh thuyết phần.

3. Y giáo phụng hành phần.

Còn lại như Xu Yếu giải thích. Phương này phân khoa giải thích

bắt đầu từ An công, từ đó về sau các bậc cổ đức nhân đó làm theo. An công dùng lý xét các kinh luận phần nhiều phân làm ba phần, nghĩa là bài tựa, chánh tông và lưu thông, rộng như trong kinh Pháp Hoa, Nhiếp thích giải thích rõ.

Sớ: Y giáo quảng thành phần.

Quảng thành có ba:

1. Quảng thành Thiên Thân nói bài tụng.
2. Quảng thành kinh của Như Lai.
3. Điều thành Phật, Thiên Thân nói.

Có nghĩa luận đây có ba phần:

1. Chí giáo duyên khởi phần.
2. Chí giáo chánh thuyết phần.
3. Giải thích danh ký nguyện phần.

Hỏi: Tất cả các luận đều có ba phần ư?

Đáp: Tùy theo ý tác giả, không có nhất định, như Xu Yếu dẫn.

Có thuyết nói Du-già chỉ có chánh thuyết, do đức Từ Thị từ lực viên mãn, không mượn sức nương nhờ cho nên không có phần trước sau.

Biện rằng: Lý chưa chắc đúng, hiện ở sức nhân vị làm sao nói đầy đủ, giả sử tự đức đủ có thể không có phần đầu, sao không có thứ ba? Lại Thế Thân làm ba mươi bài tụng Duy thức cũng chỉ có chánh thuyết, lẽ nào cũng lực đủ? Nên chẳng phải khéo thể hội.

Sớ: Phân biệt không đồng khoa.

Đại loại ý khoa văn lược có bốn loại:

1. Phân biệt không đồng.
2. Nghĩa loại giống nhau.
3. Do văn theo nghĩa.
4. Do nghĩa nương văn.

Nay tức là nghĩa đầu, căn cứ thật Bản, Thích luận hai sư tạo luận nhưng ý một loại, nay y nghĩa khác xét cả hai thành ra khác, nghĩa là sư Bản luận vì khiến hàm thức đoạn chương đặc quả, sư Thích luận thì khiến pháp trụ lâu, lợi lạc hữu tình.

Sớ: Khởi tâm ân tịnh v.v...

Câu đầu là ý nghiệp, câu thứ hai là thân nghiệp, ngữ nghiệp; câu thứ ba, thứ tư nói chung cả ba nghiệp là hiển bày tên khác của kính lễ. Hoặc ba câu đầu phối hợp riêng với ba nghiệp.

Sớ: Nhân tam luân, thân ngữ ý ba nghiệp như thứ lớp làm nhân luân của thân biến, ký tâm và giáo giới kia.

Lược giải thích tên gọi, quả tu sở thành, tác dụng của oai đức khó so lường gọi thần, chuyển biến bất định gọi đó là biến, biến tức là cảnh, thần tức là trí. Tâm nghĩa là tha tâm, ký nghĩa là biệt thức, thức khác với tâm kia, nên gọi là ký tâm, cả hai đều là Y chủ thích. Giáo là chỉ bày khiến họ sinh thiện, giới tức răn dạy bảo khiến ác kia diệt, giáo giới cả hai đều khác hợp được tên kia là Tương vi thích. Lại cũng dạy cũng răn, là Trì nghiệp thích, trước sai sau đúng, vì giáo giới đều là nghiệp của của trí.

Giải rằng: Trước chẳng phải là Tương vi thích sai, nay lấy Trì nghiệp thích, cả ba đều có nếp phục, vận chuyển nên gọi chung là luân, đều là Trì nghiệp thích, các giải thích như trong chương.

Hỏi: Tam luân như thứ lớp thần cảnh, tha tâm thuộc Lưu tận thông. Như kế có thể thị hiện thân ý ngữ giáo hóa, ngữ ý hai nghiệp nhân nào không thứ lớp?

Đáp: Do ngữ lừa dối phát ngôn chân thật khiến họ tự tin biết chí của mình, nên được thông quả, khéo ngộ tha tâm, ý nghiệp lắng trong dứt ác làm thiện, nên chiêu lấy quả được Lưu tận thông, do đây phát lời dạy răn hữu tình đoạn ác sinh thiện, nhân quả giúp nhau, nên không có lỗi. Lại biết Tha tâm không đợi ở lời nói, dạy răn ở vật ắt nhờ lời kia, nên tam luân hóa tam nghiệp như thứ lớp, chẳng phải nhân ngữ nghiệp tức nói là quả. Ý nghiệp cũng vậy.

Lại xét trong Tây Vực Ký ghi: “Phép tắc cung kính của Tây phương gồm có chín loại:

1. Phát lời thăm hỏi.
2. Cuối đầu tỏ bày cung kính.
3. Đưa tay xá cao.
4. Chắp tay bằng thẳng.
5. Co gối.
6. Quỳ dài.
7. Tay và gối sát đất.
8. Năm vóc đều co.
9. Năm thể sát đất.

Chín loại đây hiển bày chỉ hai nghiệp lý có thể thông ý”.

Sớ: Một là hư vọng tức Biến kế sở chấp.

Biến kế sở chấp thể tánh tuy không có, nhưng sở chấp của thức hư vọng, cũng gọi là Duy thức.

Sớ: Ở sở đoạn trước thanh tịnh.

Tuy tổng nói đoạn ý đoạn nhiễm, hoặc pháp Vô lậu đều gọi là

Viên thành, nói đoạn ở trước cũng không có lỗi.

Sớ: Tánh tức là thức viên thành tự thể.

Tánh đây tức là tự thể viên thành của Duy thức gia nhưng tiếp tục lâu dài, cho nên được nói tánh Duy thức, nếu không như vậy vì sao chân gọi là Duy thức?

Sớ: Tịnh thuộc về người.

Người tức năm uẩn Như Lai giả hợp. Trong kinh Niết-bàn ghi: “Xả sắc vô thường đắc sắc thường”, các uẩn còn lại cũng vậy, nên người là tịnh.

Sớ: Tánh Duy thức thanh cảnh thuộc thứ bảy.

Thức thứ bảy bao hàm đủ y, cảnh, vì lựa chọn y nên nói cảnh thứ bảy.

Sớ: Năng sai biệt này là do tánh Duy thức mà làm chỗ chứng ngộ có cạn sâu bên khiến hàng Tam thừa gọi là vị khác biệt, cho nên kinh Bát-nhã ghi: “Tất cả Hiền thánh đều do pháp vô vi mà có sai biệt”.

Ngài Thiên Thân giải thích: Do tất cả Thánh nhân y pháp Chân như thanh tịnh mà được tên.

Sớ: Tất cả sở kính đều là chuyển thanh thứ tư.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Thứ tư là thanh, làm nguyên do, nghĩa đã làm, duyên làm có đức có thể làm sở kính nên ở thứ tư.

Sớ: Thể Thiện Thệ sinh ra.

Lược có hai giải thích:

1. Báo hóa hai thân gọi là Thiện Thệ, thể thông hai nghĩa. Nếu Thiện Thệ ngay thể thuộc Báo hóa, thể của Thiện Thệ thể thuộc Pháp thân, Từ tôn tiếp nối bảo vị của Phật là chân Phật tử gọi là thể kia sinh.

2. Thiện Thệ và thể chung là Pháp thân. Trí của Từ Thị muốn duyên ở nơi Như thì mới được sinh, trí nhân đó mà khởi gọi là sở sinh. Ngài Thiên Thân tự chỉ thân và đồng học gọi là ngã v.v... Sư tức là Bồ-tát Vô Trước.

Biện rằng: Thiện là tốt, Thệ tức đi. Ác đến sinh tử, thích đi Niết-bàn. Báo hóa hai thân thật là Thiện Thệ. Pháp thể vắng lặng vốn không có đến đi, sao gọi là Thiện Thệ? Nên giải thích ban đầu là hay. Hoặc hai chướng ngăn che chưa gọi là thiện, ra khỏi chướng viên minh mới gọi là thiện, lý cũng không có lỗi.

Sớ: Luận này sở y và năng khởi.

Luận sở y tức là Tam bảo; Vô Trước, Giác Sư Tử là năng khởi,

như thứ lớp tạo Đối Pháp, Bản, Thích kia.

Nói Phật tùy chí tùy học, giải thích Phật và Tăng làm sở y để lược không nêu pháp, do đệ tử Thánh y pháp học theo truyền chỉ bày người sau khiến pháp không dứt, cho nên Tăng bảo cũng làm luận y. Nói không làm ngược luận là nói Bản, Thích sư có thể dùng ba tuệ nhiếp giáo nghĩa mà tạo luận, sở lược nêu ý, giải thích đủ như trong luận kia.

Sớ: Thế Thân tuy là hàng Địa tiên.

Hỏi: Luận kia đã nói Thánh đệ tử Phật, ngài Thế Thân nếu không như vậy, tại sao có thể kính và tạo luận?

Đáp: Đệ tử Thánh gọi là Thánh đệ tử, cũng như chúng trời Đực-xoa. Trong Câu-xá luận cũng gọi là Thiên chúng.

Hỏi: Nếu vậy Du-già làm sao thông? Luận ấy nói chúng đế tích mới được tạo luận?

Đáp: Nói chung cho ba Thừa, nếu chỉ có Đại thừa không cần kiến đế, vì căn tánh lợi, hàng Địa tiên thời gian dài rèn luyện nên không đồng với Nhị thừa.

Sớ: Phép tắc thường hằng.

Đây giải thích chiết phục vặn hỏi, vặn hỏi rằng Pháp bảo có bốn, tại sao riêng kính lễ. Trong số có ba giải thích:

Ý thứ nhất nói, pháp tuy chấp trì, nếu thường chấp trì chỉ có Chân như cho nên riêng nói. Có thuyết nói, phép tắc thường hằng thì giải thích chung với bốn, tự hỏi đáp rằng: Giáo hành quả ba pháp tại sao gọi là thường? Đáp: Kinh là nghĩa thường nên gọi là thường.

Biện rằng: Tuy có lý này nhưng trái với ý chỉ bản số nên không lấy, còn lại như số giải thích.

Sớ: Thầy trò làm nhân cho nhau.

Có truyện giải thích rằng: Nếu căn cứ thứ lớp tu hành mà nói, Tăng đứng đầu, pháp ở giữa, Phật ở sau, do Tăng tu hành mới được chứng Phật.

Biện rằng: Tuy có lý ấy nhưng không có giáo nói, chưa làm chỉ nam.

Sớ: Vô úy vô lưu chứng giáo pháp.

Đây nói Pháp bảo. Nghĩa là bốn pháp vô úy dứt tuyệt bốn bực lưu, pháp gồm có bốn nghĩa là giáo lý hạnh quả. Các văn còn lại dễ hiểu.

Sớ: Các bộ không đồng.

Lại trong Tát-bà-đa Luân Giác ba căn, Bồ-tát hai căn đều thuộc Pháp bảo, cho nên luận Bà-sa quyển 130 ghi: “Pháp chứng tịnh nghĩa là trong thân Độc giác có ba thứ Vô lậu căn, pháp học vô học; trong

thân Bồ-tát có hai pháp Vô lậu các căn hữu học, và duyên khổ tập diệt đạo, Vô lậu tín kia gọi là pháp chứng tịnh”. Luận Câu-xá quyển 25 đại ý cũng đồng. Giải thích Tăng nghĩa là hòa hợp, bốn người trở lên hòa hợp gọi là Tăng. Lân Giác Bồ-tát ba ngàn thế giới đều riêng ra đời nên không gọi là Tăng, vì chẳng phải Chánh giác nên lại không gọi là Phật, nên thuộc về về Pháp bảo.

Hỏi: Vì sao không thừa nhận Bồ-tát đồng xuất hiện? Lại vì sao có hai Vô lậu căn?

Đáp: Chỉ căn cứ hậu thân ngồi dưới cây Bồ-đề mà nói, ba mươi bốn niệm được thành Bồ-đề, ba mươi ba tâm trước là hai căn nhiếp, bất chướng về trước có nhiều Bồ-tát cũng không nói Bồ-tát có căn Vô lậu.

Hỏi: Thánh cõi trời không thành tăng chúng, tại sao thuộc về ngôi báu?

Đáp: Xưa có hai giải thích: một là thuộc về Pháp bảo, hai là thuộc về Tăng bảo, tuy thuộc về vô sự hòa lý hòa tăng.

Biện rằng: Giải thích ban đầu tuy thông nhưng luận không lựa chọn, nay giải thích sau.

Hỏi: Thánh cõi trời căn cứ lý thừa nhận ở Tăng, Lân Giác Bồ-tát sao nếu không như vậy?

Đáp: Trời có nhiều Thánh, lý hợp gọi là tăng, họ đã nếu không như vậy đâu được cùng thí dụ.

Sớ: Do tánh Như Lai điều thiện.

Hai chương đã hết, như khéo luyện vàng thuần thực, do biết cơ tánh nên đối với việc điều phục có phương tiện khéo, tùy bệnh cho thuốc nên đối với khả năng điều phục cũng có phương tiện khéo, lợi vật không mỗi một, gọi là đủ đại bi.

Sớ: Vì sinh đại trí đại bi.

Đây có hai nghĩa: Một là Sinh tự bi trí của An Tuệ v.v..., hai là Sinh sở hóa bi trí. Họ do luận nên bi trí được khởi, Sinh tự có thể rõ.

Sớ: Tà định v.v... ba loại.

Xét trong luận Du-già phẩm 100 ghi: “Năm nghiệp vô gián và đoạn căn lành gọi là tà định tụ, pháp học vô học gọi là chánh định tụ, chẳng phải học chẳng phải vô học gọi là bất định tụ”. Trong Đại Bát-nhã khác với thuyết này. Như kinh Pháp Hoa, Nhiếp thích tổng hợp.

Có người nói thứ sáu của Thập tín gọi là chánh định tụ, tạo năm nghiệp vô gián gọi là tà định tụ, chưa đến tâm thứ sáu của Thập tín là không tạo nghiệp nghịch ác, gọi là bất định tụ. Lại mong Đại thừa Thập tín thứ bảy gọi là chánh định tụ, nếu khởi năm nghiệp vô gián Đại thừa

gọi là tà định tụ, bất định căn cứ đó nên biết.

Biện rằng: Trái với luận Du-già, lại không có văn căn cứ lý hơi khó nường.

Sớ: Như Phật Địa v.v... nói.

Xét luận Hiền Dương ghi: “Cung kính nghe pháp hiện tại được lợi ích và an lạc”. Lại phân làm bốn câu:

1. Lợi ích chẳng phải an lạc, nghĩa là hiện thuận lý tinh cần tu đạo.
2. An lạc chẳng phải lợi ích, nghĩa là hiện trái pháp thọ ngũ dục lạc.
3. Vừa lợi ích vừa an lạc, nghĩa là hiện dùng đạo mà thọ đối với lạc.
4. Chẳng phải lợi ích cũng chẳng phải an lạc, nghĩa là từ ra tướng trước.

Lại xét trong luận Phật Địa cũng có bốn câu: Lợi ích hiện tại gọi là nghĩa, lợi ích vị lai gọi là lợi, thế gian gọi là nghĩa, xuất thế gian gọi là lợi, lìa ác gọi là nghĩa, nhiếp thiện gọi là lợi, phước đức gọi là nghĩa, trí tuệ gọi là lợi.

Biện rằng: Sớ chỉ các luận như Phật Địa, Hiền Dương, ý rõ ở các giáo thuyết lợi lạc, chẳng phải chỉ chứng một thể lợi lạc kia.

Sớ: Lợi tức là mười lợi.

Nói đủ như Du-già quyển 35, quyển 36, không thể dẫn hết, chỉ lấy đại ý sơ lược. Mười loại như thứ lớp hợp thành năm cặp đối.

1. Sở lợi sai biệt.
2. Lợi thể bất đồng.
3. Lợi thời hiện tại, vị lai.
4. Đời này đời khác.
5. Chân vọng phân biệt.

Trong luận, cặp đối ban đầu kết hợp hai nghĩa để giải thích, người học khó thấu tỏ, nay giảng biện rõ, còn lại cứ theo thứ lớp của luận.

- Một là thuần tự lợi lợi tha, nghĩa là chuyên vì mình hoặc chỉ lợi tha sự không gồm cả hai nên gọi là thuần. Căn cứ trong thuần tự có đoạn có tu, nếu vượt trái không thuận oai nghi phép tắc của Bồ-tát, nghĩa là vì mình ưa cầu tài thọ dụng, hoặc vì sinh cõi trời mà trì giới tinh tấn tu tập định tuệ, hoặc vì lợi dưỡng cung kính cúng dường chư Phật, những điều này tự lợi Bồ-tát nên đoạn, nếu không vượt nghi tắc của Bồ-tát tùy thuận, chỗ có tự lợi cùng với trên trái nhau, Bồ-tát nên tu. Thuận lợi tha cũng là hai pháp đoạn tu, nghĩa là dùng tà kiến tu hạnh thí v.v... không

nhân quả chấp hủy phạm giới, xa lìa chánh hạnh, vì người khác nói pháp, những điều này nên đoạn. Nếu các Bồ-tát đã vượt qua Địa dưới, do bị nguyện lực xả các Tịnh lự, tùy theo chỗ thích kia lại sinh cõi Dục, lại việc mình đã xong, đối với khắp vô lượng chúng sinh ở mười phương có thể làm vô lượng việc đại lợi ích, đây là thuận lợi tha Bồ-tát nên tu.

- Hai là cộng tự lợi lợi tha, vì tự đến vật vì vật đến mình, hạnh có thể bao gồm trai giới nên gọi là cộng. Trong đó cũng có hai:

1. Tự lợi cộng tha: Nếu các Bồ-tát lấy bi làm đầu, hoặc vì hồi hướng Vô thượng Bồ-đề, đối với tất cả thời tu trí nhẫn v.v... phải biết đây gọi là tự lợi cộng tha, buông trí để thực hành bố thí, khéo chứng được Bồ-tát, bi bao gồm giúp vật, nên gọi tự lợi mà cộng tha.

2. Tha lợi cộng tự: Lại trừ chỗ nói các tướng trước, còn lại tất cả đều có lợi tha. Buông trừ thuận lợi tha nên đoạn, do họ tà chấp không có hai lợi, hoặc trừ những điều cần tu trong thuận lợi tha, vì không có tự lợi.

- Ba là lợi ích các loại tự lợi lợi tha: Nghĩa là đối với một pháp mà tự hành khiến họ cũng hành, một loại tự tha hành một pháp, hạnh tự tha đồng gọi là chủng loại, hoặc lợi ích đây có năm loại cho nên có gọi là chủng loại. Nói chủng loại hiển bày chẳng phải một tướng tự.

Năm loại gồm:

1. Không có tướng tội: Nếu các Bồ-tát tự có nhiều ít nhiếp thiện tăng trưởng thiện pháp, khiến họ cũng vậy. Do nhiếp tăng trưởng thiện lìa các lỗi lầm nên gọi là vô tội. Vô tội tức là tướng, tướng là tướng trạng, thể tướng. Phần sau đều chuẩn theo đây.

2. Tướng nhiếp thọ: Nếu các Bồ-tát có thể dẫn tự tha không có nhiệm ô lạc, hoặc đầy đủ lạc, hoặc trụ định lạc.

3. Tướng đời này.

4. Tướng đời khác: Nếu các Bồ-tát tự lợi lợi tha, hoặc có tướng đời này có thể làm lợi ích chẳng phải đối với tướng đời khác, hoặc có đời khác có thể vì lợi ích chẳng phải ở đời này, hoặc đời này đời khác đều vì lợi ích, hoặc đời khác đời này đều vì lợi ích, hoặc đời khác đời này đều không có lợi ích.

5. Tịch diệt Tịnh độ: Nếu các Bồ-tát đã có Niết-bàn và đặc Niết-bàn là phần pháp Niết-bàn thế và xuất thế gian, đây gọi là Bồ-tát lợi ích chủng loại tự lợi lợi tha.

- Bốn là an lạc chủng loại tự lợi lợi tha: Tướng tự với tên gọi thứ ba ở trước, lợi ích và an lạc hai tên có khác, nói chủng loại ý nghĩa đồng, đây có năm loại, tức trong số đã nói năm thứ lạc, nên đây không dẫn

ra.

- Năm là nhân nhiếp.

- Sáu là quả nhiếp tự lợi lợi tha: Nhân quả thuận nhau luận riêng thì rõ. Ở trong nhân quả đều có hạnh tự lợi lợi tha, có ba nhân quả:

1. Dị thực nhân quả.

2. Phước nhân quả.

3. Trí nhân quả.

Quả Dị thực lược có tám loại:

1. Thọ lượng đầy đủ, nghĩa là sống lâu.

2. Hình sắc đầy đủ, nghĩa là hình sắc đoan nghiêm.

3. Dòng họ đầy đủ, nghĩa là sinh trong nhà quý tộc.

4. Tự tại đầy đủ, nghĩa là có nhiều cửa cải, địa vị, thông minh, quyền thuộc.

5. Tín ngôn đầy đủ, nghĩa là lời nói không hư vọng.

6. Đại thế đầy đủ, nghĩa là nổi tiếng hơn người.

7. Tánh người đầy đủ, đủ phần trợ phụ thành tựu nam căn.

8. Đại lực đầy đủ, ít bệnh có khả năng gắng sức.

Nhân Dị thực: Không tổn hại vật là nhân trường thọ; ban bố ánh sáng, y vật tươi sạch là nhân đoan nghiêm; xa lìa kiêu mạn là nhân dòng họ; ai xin gì cũng bố thí là nhân tự tại; lời nói chắc thật là nhân tín ngôn; cúng dường Tam bảo là nhân đại thế; thích nam nhàm chán người nữ là nhân dòng họ đầy đủ; trợ giúp chúng sinh, như pháp thi thiết các sự nghiệp, bố thí cơm nước cho người khác là nhân đại lực.

Phước trí nhân quả luận riêng thì rõ, nhóm họp thì khó biết nên nay giải thích riêng. Phước nghĩa là ba độ, cần định một phần, bốn vô lượng tâm ở trước. Nói nhân của phước ấy gồm có ba loại:

1. Đối với phước khéo được, khéo trụ, khéo tăng trưởng dục. Một là đối với điều chưa được khéo được lạc dục. Hai là đối với điều đã được khéo trụ lạc dục. Ba là đã trụ dục thường khiến cho tăng trưởng.

2. Đối với phước thiện hay tùy thuận không có duyên trái bỏ.

3. Đối phước trước đã tập quen.

Quả của phước nghĩa là các Bồ-tát nương tựa phước, tuy lại lưu chuyển sinh tử thời gian dài, nhưng không bị cực khổ làm tổn hại, lại có thể khởi làm vô lượng sự nghiệp thiện xảo, cho đến rốt ráo sẽ chứng Vô thượng Bồ-đề.

Trí tức tuệ độ hoàn toàn, một phần cần định và mười lực v.v...

Trí nhân quả là đồng như phước ở trước. Ở trong văn ấy chỉ bỏ chữ phước, thay vào chữ trí, tức trí nhân quả.

- Bả là tự lợi lợi tha trong đời này: Văn có hai loại:

1. Tự lợi hiện tại: Nghĩa là các Bồ-tát dùng việc công xảo như chánh lý mà tích tập tài vật, tức là đối với tiền của biết dùng đúng mực, lại những việc thích làm trước đây đã thuần thục, ở trong hiện pháp thọ dụng quả kia.

2. Lợi tha hiện tại: Như các Bồ-tát hiện pháp tự lợi, Bồ-tát như vậy giáo hóa hữu tình, do đây được hiện pháp lợi ích.

- Tám là tự lợi lợi tha trong đời khác: Nếu ở cõi Dục có thể được tài bảo đời khác đầy đủ tự thể đầy đủ; cõi Sắc, Vô sắc được các thứ đời khác cũng lại như vậy.

- Chín là rốt ráo tự lợi lợi tha: Nếu các phiền não hằng đoạn tám chi Thánh đạo, hoặc đây làm chỗ nương được tất cả thiện pháp thế gian, do ba nhân duyên sau nên biết rốt ráo:

1. Do tự tánh rốt ráo Niết-bàn.

2. Do bất thối tám chi Thánh đạo không có lui sụt.

3. Do thọ dụng quả vô tận nên gọi là rốt ráo.

- Mười là chẳng rốt ráo tự lợi lợi tha: Nghĩa là ở cõi Dục tài bảo đầy đủ, tự thể đầy đủ, hoặc nhân hoặc quả thế gian thanh tịnh, hoặc nhân hoặc quả do ba nhân duyên sau mà biết không rốt ráo:

1. Do tự tánh vì tất cả Hữu vi.

2. Do lui sụt pháp thiện Hữu lậu do có lui sụt.

3. Do thọ quả có cùng tận nên gọi là không rốt ráo.

Sớ: Một là nhân lạc.

Nghĩa của năm lạc đủ như trong bản luận. Nay đối với mỗi mỗi lược biện danh thể. Làm nhân của nhân sinh lạc nên gọi là nhân lạc. Thể tức bốn pháp, như trong sớ đã nêu. Nói lạc tương ứng, tức các tâm pháp thuận lạc thọ xúc v.v... Nói nghiệp sở phát nghĩa là đối với lạc quả mà khởi ở nghiệp gọi là lạc sở phát. Do thiện nghiệp này được quả đáng ưa gọi là nhân lạc, hoặc lạc tương ứng tư gọi là sở phát nghiệp, sở phát nghiệp năng cảm ngay lạc quả gọi là nhân lạc.

Biện rằng: Trước đúng sau sai, chẳng phải lạc tương ứng tư đều có thể chiêu lấy lạc quả, cho nên Du-già ghi: “Nếu các quả nghiệp đáng ưa của hiện pháp đương lai gọi là nhân lạc”, ý nói tùy theo nghiệp quả đáng ưa của hiện tại vị lai gọi là nhân lạc. Sớ lấy ý này nên nói là nghiệp sở phát.

Sớ: Hai là thọ lạc.

Thọ tức là lạc. Hỷ lạc xả ba pháp làm thể của nó, ba loại đều có nghĩa vui thích nên chung gọi là lạc, nếu không như vậy thì sao nói

thông ba cõi? Nói không chỉ lạc trong thọ, chẳng phải trong năm thọ chỉ có một lạc thọ gọi là thọ lạc. Nói tự tánh của lạc này thể là thọ tâm sở, lựa chọn khác với nhân lạc trước sau vậy.

Sớ: Khổ đối trị lạc.

Các khổ dứt diệt vị có lạc giác sinh, lạc của đối trị gọi là đối trị lạc, thể tánh có bốn giải thích:

1. Sóng lạc làm thể.

2. Do năng dứt khổ áo cơm các vật mà làm tánh ấy.

3. Do ưa thích thọ mà làm tự tánh, cùng với nghĩa thọ lạc trước phân làm hai. Nếu thuận lạc thọ căn cảnh gọi là thọ lạc, nếu khi khổ dứt thì thân tâm vui thích gọi là đối trị lạc.

4. Khi khổ dứt có tuệ năng giác, tức năng giác tuệ này làm thể.

Biện rằng: Ba vấn hỏi trước căn cứ thể hoặc sóng lạc tán tâm tán địa lẽ nào không có lạc này? Y v.v... làm thể, cùng nhân lạc kia lẽ đâu lại khác? Như hỷ lạc, lẽ nào khi khổ dứt đều sinh hỷ lạc không có xả thọ ư? Xả thọ nếu có, vì sao chẳng phải thể kia mà không thủ? Lại trong Du-già ghi: Trong đây thọ lạc lạc tự tánh, nên gọi là lạc, khổ đối trị lạc vì dứt các khổ, nên gọi là lạc, vì chẳng phải tự tánh, nếu thể hỷ lạc, tại sao luận nói chẳng phải tự tánh? Thông với nghĩa thứ tư.

Sớ: Thọ đoạn lạc.

Thọ v.v... không hành gọi là thọ đoạn lạc, tức diệt định, lạc của thọ đoạn y chủ lập tên, thể tức là diệt định.

Hỏi: Luận Du-già ghi: Khi trụ diệt định, Thắng nghĩa này khổ tạm thời vắng lặng nên gọi là lạc, đương khi nhập định chỉ diệt tâm Vô lậu pháp tâm sở, lẽ nào pháp Vô lậu gọi là Thắng nghĩa khổ?

Đáp: Các pháp Phi phi tướng địa xả thọ v.v... gọi là Thắng nghĩa khổ, do nhập diệt định khi viển Gia hạnh mà có thể diệt nó, căn cứ khổ đã diệt của viển Gia hạnh.

Sớ: Không não hại.

Các loại phiền não gọi là não hại, xuất gia v.v... bốn hạng xa lìa phiền não đây gọi đó là lạc, không phiền não tức là lạc. Xuất ly lạc là tín giới làm thể, hoặc lìa bức bách thân tâm vui thích, hỷ lạc làm thể. Xa lìa lạc là Sơ thiền hỷ lạc, hoặc chung năm chi dùng làm thể của nó.

Tịch tịnh lạc, Đệ nhị thiền trở lên tùy theo dùng bốn chi, năm chi làm thể, hoặc chỉ có hỷ lạc tùy theo làm thể.

Biện rằng: Luận đã không nói vì lạc tự tánh nên gọi đó là lạc, nên biết không hẳn hỷ lạc làm thể, như kế đó tín giới cùng lấy thiền chi làm thể cũng không có lỗi.

Giác pháp lạc lấy Căn bản và Hậu đắc trí làm thể, lại có nhiều giải thích rộng biện như văn. Bốn lạc như thứ lớp, lìa nhà chật hẹp, xa ham muốn bất thiện, do không có pháp tầm tứ thô động, phiền não, sở tri như thật Đẳng giác nên lập bốn tên. Số phối hợp hai tên là Niết-bàn và Bồ-đề, không như Du-già lấy ý Bà-sa, nếu không như vậy thì trái luận.

Hỏi: Ba pháp trước sao gọi là não hại?

Đáp: Luận Du-già ghi: Tất cả các pháp khác không não hại lạc, ở lạc rồi sau có thể tùy thuận, là vì phần của nó, có thể dẫn nó, phải biết cũng gọi là không có não hại lạc.

Sớ: Phải đủ bốn duyên mới được tạo luận.

Xét trong luận ấy ghi: Phải đủ bốn đức mới có thể tạo luận:

1. Đối với các sư xưa phải lìa kiêu mạn, không có tâm nghĩ rằng các sư xưa còn có thể tạo luận, huống gì ta nay không được tạo ư?

2. Đối với loài hữu tình phải khởi đại bi, khởi quán như vậy: nếu không tạo luận thì vô lượng hữu tình đối với các thiện pháp quyết định có lui sụt, các loài hữu tình rơi vào sinh lão bệnh tử, nhân các hữu tình đây tạo luận, nếu có thể hiểu rõ nhân đến khéo nói một câu diệu nghĩa, như vậy như vậy sẽ phụng hành, ở trong đêm dài kia ắt được đại nghĩa lợi ích an lạc.

3. Đối với đồng học thì sinh kính ái thâm sâu, khởi quán như vậy: nếu không tạo luận vì muốn lợi tha, những người đồng học đối với việc lợi tha nhất định sẽ lui sụt.

4. Không muốn nêu bày mình có kỹ năng thù thắng, không có tâm nghĩ tưởng như vậy: phải khiến thế gian đều nói với ta thông suốt minh triết có thể tạo luận là xiển dương nghĩa, rất sinh tịnh tín, nhân đây ta được nhiều lợi dưỡng cung kính, chỉ vì tự tha thiện căn tăng trưởng, do không có tâm nhiệm mới có thể tạo luận.

Sớ: Ý của luận chủ tạo luận.

Các thuyết của An Tuệ v.v... sinh chánh giải, nghĩa là sinh Duy thức chân tục hai trí. Kế đến Hỏa Biện nói như thật biết là sinh chân trí, sau ngài Hộ Pháp nói được hiểu như thật là sinh tục trí.

Biện rằng: Căn cứ tướng hiển bày lời ít có lý kia. Nếu do thật luận, ba văn đều thông chân tục hai trí, nên sư thứ ba nói: Khiến ở trong lý Duy thức thâm diệu được hiểu như thật, lẽ đâu lý thâm diệu chỉ là tướng thức chẳng phải chân lý của thức? Lại biết tướng thức gọi là như thật trí thì cũng đâu trái lý, nên đều thông hai trí.

Sớ: Làm luận gọi là tạo.

Hỏi: Nghĩa của Duy thức trong kinh trước đã nói, luận làm sao gọi là tạo?

Đáp: Trong ba mươi bài tụng, kinh giáo trước không có, căn cứ đây gọi là tạo.

Sớ: Trên đây tức là đầu mối phát khởi.

Lược có bốn giải thích:

1. Chữ trên là nhầm, lẽ ra phải dùng chữ “người tạo”.
2. Ở đây và ở trên đều là đầu mối phát khởi, ý tuy nói đây nhưng bao gồm cả trên.

3. Nói nay tạo v.v... là nêu ra, ngay chữ “đây” cho nên nói “trên đây”.

4. Nay tạo một câu luận đây để nói, là đầu mối phát khởi v.v... Do trước nói riêng, nay vì tạo v.v... là xong, chỉ chung trên đây, tức là đầu mối phát khởi. Nhưng trong bốn giải thích, thì giải thích ban đầu lược qua, suy nghĩ có thể rõ.

Có người nói, trên bốn chữ “nay tạo luận đây”, mỗi mỗi đều đủ bốn đầu mối phát khởi. Lại đầu mối phát khởi v.v... mỗi mỗi riêng phối hợp với “nay tạo luận đây”.

Biện rằng: Nếu tự giải thích lý luận vẫn sai biệt, nếu biện ý sơ hoàn toàn trái với bản chỉ, xét kỹ sẽ biết.

Sớ: Nay nói vì chúng sinh.

Hỏi: Nhân ngã không khắp cho nên bị bỏ, sinh đã rộng sao nay mới lấy? Như nói chúng sinh lẫn lộn với vô tình chẳng?

Đáp: Thế giới có chấp vô tình làm ngã, sinh nhiếp vô tình không có lỗi rộng lớn, như chấp sắc ngã, các loại tóc móng v.v... cũng ở chỗ chấp, đây lẽ nào không chấp vô tình làm ngã!

Hỏi: Ngã thông các nẻo, vì sao không cho nói?

Đáp: Pháp cũng gọi là ngã, nếu nói ngã không mà lẫn lộn với pháp, nên cũng trừ.

Hỏi: Chúng sinh chấp có, lấy Không làm cửa ngõ, phá bệnh hiển lý, chúng sinh chấp không, nên cửa ngõ Hữu trừ chấp để hiển rõ lý?

Đáp: Nếu phá được bệnh chấp không nói có có thể trừ, nếu luận hiển bày lý thì cần phải thêm Không quán.

Hỏi: Có quán hữu tướng tức không hiển lý, không tướng chẳng trừ lẽ nào được lý ư?

Đáp: Do Không làm cửa ngõ trừ thủ năng sở, mới dứt hai tướng mà có thể chứng lý. Từ duyên do của môn mà gọi là Không hiển bày lý, lý cũng không có lỗi. Có thuyết nói, nếu vừa chấp Không vừa nói là

có, từ nhiều mà chấp có, đây nói là không.

Biện rằng: Ý hỏi để khiến có hiển bày nơi lý.

Đáp rằng: Nói đối không cũng nói đối với có, lẽ nào có thể có quán có thể hiển ở lý? Nếu nói chẳng nói có hiển lý, tức đáp vặn hỏi trước có lỗi bất tận.

Sớ: Bốn pháp trước cùng thủ đoạn hai chương.

Hỏi: Chìm đắm trong sinh tử đều do phiền não, nào có liên quan đến trí chương đọa trong ba cõi?

Đáp: Sinh tử có hai, do sở tri chương đọa ở biến dị, biến dị tức thuộc về hóa sinh, cũng thuộc về ba cõi. Lại sở tri chương chẳng phải tự thân diệt sinh, vì phiền não nương lời nói khó vượt, đều không có lỗi.

Sớ: Tức căn bản chìm đắm gọi đó là trọng.

Giải thích thứ năm là nghĩa trọng, có nghĩa đối nghiệp quả tham v.v... tự tánh có thể dẫn nghiệp quả, vì nó là gốc của các khổ nên gọi là trọng.

Sớ: Vì sao chương lý chỉ nói hai không v.v...

Nêu lý chương ban đầu để vặn hỏi chương trọng ở sau, không được bao gồm những pháp khác.

Sớ: Trọng chỉ có hai chấp, nêu đoạn tham trọng sau cũng trừ, vặn hỏi chương trước lý không chỉ có ngã pháp.

Sớ: Đây y theo kiến đạo đến ngã kiến cũng vậy.

Như Xu Yếu giải thích, nghĩa là nói chứng không chương tùy theo đoạn, y đoạn chủng mà nói, nên Địa thứ tư thân kiến chỉ phục, hại bạn v.v... là chương địa sau vẫn có.

Hỏi: Ngã chấp có thể như vậy, pháp chấp chủng đoạn, tại sao các chương cũng được hiện khởi?

Đáp: Chỉ đoạn chút phần, cho nên các chương cũng được hiện hành. Kinh Hoa Nghiêm ghi: “Trong Địa thứ bảy, Bồ-đề phần quán mới tối thắng”.

Biện rằng: Y đoạn chủng nói không vượt qua Kiến đạo của Bản sở, vì sao Kiến đạo v.v... chủng không hết? Lại nói Địa thứ tư đoạn chút phần chấp của Thức thứ sáu, lý sợ rằng có trái. Xét luận Phật Địa, luận Duy Thức đều nói Địa thứ tư lại hàng đoạn diệt. Chuẩn theo các văn đây đâu chỉ có ít phần, trong kinh Hoa Nghiêm chỉ nói thù thắng trong Địa thứ bảy, không nói chấp kia Địa thứ bảy mới hết, đâu thể làm chứng cứ được! Do Địa thứ tư, hàng sơ học Nhị thừa, đối với Địa thứ năm, thứ sáu vẫn bất chước địa ấy, Địa thứ bảy siêu vượt nó gọi là thù thắng cũng đâu có lỗi gì! Điều này nên suy nghĩ lại.

Sớ: Lại giải thích chung.

Không cần nói riêng ngã cùng với pháp, hợp hai pháp lại giải thích, giải thích trước không như vậy, tìm xem có thể rõ.

Sớ: Không có ít chương nào mà chẳng nương chấp sinh.

Hỏi: Lẽ nào không thừa nhận riêng có hạnh tham v.v...?

Đáp: Tuy có hạnh riêng cũng do xa khởi chấp, như hại bạn v.v... gọi là nương chấp sinh nên không có ngăn ngại.

Sớ: Bao gồm bốn câu đáp câu hỏi thứ hai.

Biện rằng: Hai câu đầu đáp ngã pháp chấp là chương sở do, hai câu giải thích sau thích đoạn cũng bao gồm tham v.v... các lý do, lý cũng không có lỗi.

Sớ: Hỏi: Phiền não chương đến cọng lá cũng hết.

Hỏi: Ở đây sư nào hỏi và sư nào đáp?

Đáp: Hỏi đáp đây đều thông các sư An Tuệ.

Hỏi: Nếu là Hộ Pháp, Hộ Pháp trí chương thường đồng phiền não, chấp chương lại sai biệt, sao nói chỉ chấp khác không có phẩm loại, ý thức cũng có chương không có chấp, vì sao trong lời đáp chỉ dùng các pháp yêu ghét của năm thức làm Đăng lưu?

Đáp: Sở tri chương thường tuy đồng phiền não, danh phẩm không khác, nên nói không có phẩm loại. Trong lời đáp đã nói trong năm thức đồng với ý thức.

Hỏi: Như An Tuệ hỏi tức không trái, đáp cũng có lỗi, do sở tri chương chương chấp không sai khác, vì sao cành lá gốc ngọn có khác?

Đáp: Tuy chương tức là chấp, nhưng đứng về các thức chấp có cạn sâu, nghĩa phân ra gốc ngọn cũng không có lỗi, đủ như Xu Yếu giải thích. Có nghĩa chấp tương mong nhau có hai câu: Một là hễ chương đều chấp, hai là có chấp chẳng phải chương. Nghĩa là các tâm thiện Vô phú Vô ký. Lại nữa chấp chương không có rộng hẹp, tự tánh các chương đều gọi là chấp, các chấp đây đều gọi là chương, nên biết An Tuệ chỉ có pháp Hữu lậu, chỉ trừ Thức thứ bảy còn tất cả đều gọi là sở tri chương vì đều gọi là chấp.

Biện rằng: Nghĩa đầu hoàn toàn sai, nghĩa sau có lẫn lộn, nghĩa đầu có lỗi gì?

Đáp: Sở tri chương, ngăn che cảnh sở tri không có tánh điên đảo khiến không hiển hiện gọi là sở tri chương, lẽ nào có thể chấp mà không che lý sao? Nghĩa sau lẫn lộn là nói chương đều là chấp, hễ có pháp Hữu lậu đều gọi là chấp. Đây nói có lẫn lộn.

Luận Phật Địa ghi: Chỗ chương phát nghiệp và chỗ đắc quả cũng

gọi là chướng, quả nghiệp này lẽ nào đều là chấp? Do đây đều đối với tánh sở tri chướng và đối với nghiệp quả mà có hai câu:

1. Hễ chấp đều là chướng, nghĩa chướng tâm tâm pháp trong tự tánh và nghiệp quả, vì có hai phần.

2. Chỉ chướng chẳng phải chấp, tức nghiệp và quả chẳng phải tâm tâm sở vì không có hai phần.

Sớ: Lúc tu thiền định thọ làm thắng chướng.

Đây thông hai nghĩa huân tu. Nếu không huân tu định thù thắng thì chướng thắng định, nếu thọ thắng hay chướng tu đối với định, thắng tức là chướng. Giải thích sau là chánh.

Sớ: Tất cả phiền não đều có thể sinh tương tục.

Mỗi cõi hoàn toàn mê hoặc đều tương tục tự cõi. Du-già ghi: “Phải nói toàn cõi không đâu mà không toàn cõi, vì sao? Nếu chưa lia dục, ở chỗ tự sinh mới được thọ sinh, vì không lia dục”. Chưa lia dục là các nhiễm phiền não có thô trọng tùy theo ràng buộc tự thân, cũng có thể làm nhân cho dị thân kia sinh, do nhân duyên này phải biết tất cả phiền não đều có thể tương tục sinh. Giải thích rằng, nếu hiện khởi thắm nhuần thì chẳng phải tất cả. Nếu căn cứ thành tựu trợ nghiệp thọ sinh nên nói toàn cõi, nêu lia dục hết, tức không thọ sinh, lại hiển chưa lia tức tất cả hoặc đều tương tục. Hoặc căn cứ khởi hiện gọi là toàn cõi, nên luận ấy ghi: “Khi sắp thọ sinh, ở trên tự thể tham ái hiện hành, ở nam ở nữ thương giận xen nhau hiện hành, lại nghi nam nữ nay vì cùng ta cùng làm việc chẳng?” Lại các pháp ngã kiến kiêu mạn cũng hiện hành, do đây nên biết tất cả phiền não đều sinh tương tục, nên biết căn cứ hiện gọi là toàn cảnh, hai cách giải thích mặc tình chọn.

Sớ: Nhẫn đến Hữu đánh các hoặc tạm đoạn.

Chứng được Sơ thiền lên đến Hữu đánh gọi là đến Hữu đánh. Do được định kia có thể phục các hoặc gọi là hoặc tạm đoạn. Chiết phục hoặc các Địa từ Hữu đánh trở xuống, chẳng phải hoặc Hữu đánh cũng có thể chiết phục, vì không ưa thích cõi trên.

Sớ: Phần Niết-bàn kia.

Lược có hai giải thích:

1. Lý phục phiền não đã hiển, đây là thiếu phần chân Niết-bàn nên gọi là phần kia.

2. Tức tất cả tịnh định của Tứ thiền, do chiết phục phiền não, có nghĩa tịch tịnh, gọi là Niết-bàn, đây do Hữu vi nên gọi là phần kia.

Phần là nghĩa tương tự lưu loại, căn cứ bên không có hoặc, có nghĩa tịch tịnh cùng chân Niết-bàn hơi giống nhau, nên gọi là phần kia.

Nên luận Du-già quyển 12 ghi: “Bốn Tịnh lực hoặc còn gọi là bỉ phần Niết-bàn, do các phiền não một phần đoạn, vì chẳng phải quyết định, gọi là bỉ phần Niết-bàn”. Giải thích sau là chính, giải thích trước tuy không có văn nhưng lý có thể thông.

Sớ: Trụ trong hai pháp đây chẳng phải là không trụ.

Hữu và Vô dư y gọi đó là hai, ưa trụ trong hai pháp đó gọi là chẳng phải không trụ. Đến chỗ này rõ ràng Vô trụ xứ gọi là Chân giải thoát, kia đã lạc trụ cho nên chẳng phải Chân giải thoát.

Sớ: Chương của sở tri.

Hỏi: Chương sở tri này cũng là sở tri, vì sao chẳng phải Trì nghiệp?

Đáp: Pháp lậu Vô lậu đều là sở tri, nếu là Trì nghiệp lẽ nào pháp Vô lậu cũng gọi là chương ư? Do có lỗi này nên theo Y chủ chẳng phải Trì nghiệp.

Luận nói: Được hai thắng quả, đây đối với Đẳng giác Nhị thừa giải thoát vì sao được gọi là thắng? Rộng như Nghĩa Đăng giải thích. Đẳng giác ngăn ngại, trong truyện có ba giải thích:

1. Chánh thể và Hậu đắc trong một sát-na được cùng với Phật bình đẳng gọi là Đẳng giác, y thời gian dài nói đối với nó mà gọi là thắng.
2. Chân trí bình đẳng, Hậu đắc trí kém hơn Phật.
3. Chân tục hai trí đều chưa rốt ráo không gọi là bình đẳng.

Vô gián giải thoát đồng đoạn một chương nên nói đồng nhau, tạp khí chưa hết, tạp nhiễm chưa xả, gương trí chưa sinh, sự trí chưa khởi, chưa duyên khắp tục, biết chân chưa viên, nên thật không đồng.

Biện rằng: Tuy có ba cách giải thích nhưng mỗi nghi vẫn chưa trừ, vả lại vị Kim Cang là Vô gián đạo làm gì có thời gian dài đối trị mà nói là thắng? Giả sử nói nói vị này có nhiều sát-na Phật bình đẳng, là sát-na nào? Trong ấy đủ vô gián, ở trong đó chưa từng phân thành hơn kém. Nếu trước hình tướng thù thắng, thì trước chẳng phải Đẳng giác, có lỗi gì mà cần phải giải thích? Nếu hai trí của hình gọi là thắng đồng nhau thì chương còn chưa hết. Lại chưa viên chứng, lấy gì gọi là đồng nhau? Nếu đối với đoạn chương đồng gọi là ngang nhau, lý tức có lỗi mà văn chưa thấy. Do ba giải thích này đều chưa dám nương, chưa thấy chỗ căn cứ nên không có căn cứ. Nay thêm một giải thích, pháp mà Phật đã đặc họ đều chứng đắc nên Bồ-tát được gọi là “đẳng”, đã được tự tại là chương viên cực cho nên Phật nói thắng. Cho nên kinh Đại Bát-nhã phẩm 55 ghi: “Vì sao? Phải biết đã viên mãn. Pháp Vân Địa Bồ-tát thứ mười cùng các Như Lai lẽ ra phải nói không khác. Thiện Hiện là

Bồ-tát đã viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa, tám định, ba mươi bảy đạo, ba Tam-muội, năm nhãn, sáu thông, mười lực của Phật, bốn vô úy, vô ngại, vô lượng, mười tám pháp Bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo tướng trí, Nhất thiết tướng trí, tất cả Phật pháp. Nếu lại hằng đoạn tất cả tập khí phiền não tương tục lại trụ Phật địa, thế nên phải biết cùng các đức Như Lai lẽ ra phải nói không khác”.

Giải thích rằng: Hiện Chánh đẳng giác là Nhất thiết trí, Cực thiện thông đạt là Đạo tướng trí, hiện Đẳng biệt giác là Nhất thiết tướng trí.

Lại phẩm 477 ghi: “Nếu Vô gián đạo hành tất cả pháp, chưa lìa ám chướng, chưa đến bờ kia, chưa được tự tại, lúc chưa được quả gọi là Bồ-tát. Nếu Giải thoát đạo hành tất cả pháp, đã lìa ám chướng, đã đến bờ kia, đã được tự tại, lúc đã được quả rồi mới gọi là “khác”, do vị có khác, pháp chẳng phải không khác”.

Chuẩn theo văn này nói không khác là tên gọi khác của “đẳng”, chướng chưa lìa “đẳng” hiển Phật là thắng, căn cứ chỗ này đối với lý sẽ thông.

Hỏi: Nghĩa hơn và ngang bằng nằm ở đâu?

Đáp: Đứng về đức, danh số sở đắc thì không sai, đẳng là đức số, không căn cứ dụng ngang nhau, đồng viên cực mới gọi là đẳng, nên luận Trí Độ ghi: “Như trăng rằm và mười bốn, tuy đồng là trăng, trăng nhỏ không tác động đến hải triều, tác động được hải triều có khác, Phật và Bồ-tát cũng lại như vậy. Lại như hương và quả, tánh hơn kém khác nhau nhưng Thánh thì đồng. Như nói đốt áo, một phần cũng chuyển, căn cứ hình tướng này thì đẳng và thắng không có lỗi.

Sớ: Khiến thông suốt hai Không như nhau.

Ngã pháp không có tự thể gọi đó là Không, chẳng phải tánh hai Không.

Sớ: Nếu trong Đại thừa hiển bày lẫn nhau.

Chỉ nêu Tiểu thừa thì gọi là lầm ngã pháp, ảnh lấy không kiến gọi là lầm Duy thức. Không kiến của Đại thừa biết ngã pháp không có, chẳng phải lầm ngã pháp, bác bỏ lý của thức không có nên được gọi là lầm, chẳng phải hoàn toàn không hiểu, không được gọi mê, chỉ có ảnh hiển mà không có nghĩa xen lẫn, xen lẫn còn gọi là theo nhau.

Sớ: Tát-bà-đa lượng.

Hỏi lượng có lỗi gì?

Đáp: Có thuyết cho rằng, tông nói thật có dụ của tâm tâm pháp. Phần v.v... của Đại thừa là giả chẳng phải thật. Dụ có một phần sở lập không thành, bình bốn v.v... của Đại thừa là cảnh chẳng phải thật,

nhân có bất định. Nếu nói tông pháp quyết định chẳng phải không, nên không có lỗi.

Biện rằng: Tông nói chẳng phải không nhân, cũng quyết định có lỗi trái nhau.

Lượng rằng: Cảnh lia tâm của ông, quyết định chẳng phải là có, trừ nội cảnh, vô vi, bất tương ưng v.v... của tâm tâm sở, vì là sở tri, như lông rùa v.v...

Sớ: Lượng của Thanh Biện.

Hỏi: Lượng có lỗi gì?

Đáp: Nhân có lỗi bất định, vì như cảnh bên ngoài là sở tri nên chứng thức là không có, như cảnh bên trong là sở tri nên chứng thức là có.

Sớ: Nương giáo của Viễn hành.

Xét luận Du-già quyển 57 ghi: Nương căn xứ nào mà nói Viễn hành?

Đáp: Nương ý căn xứ, do đối với khoảng trước không có khởi đầu vì duyên khắp tất cả cảnh sở tri, gọi là Viễn hành. Các tâm tương tục vì mỗi mỗi chuyển, vì không có chủ thể, gọi là Độc hành. Vô sắc, vô kiến, vô đối gọi là vô thân, y chỉ sắc nên gọi là ngử trong hang. Sớ giải thích là theo Vô Tánh.

Sớ: Y cảnh sở hành của năm căn.

Nhiếp luận quyển 4 của Vô Tánh giải thích kinh này rằng: Nghĩa là cảnh giới của năm căn sở hành, chỉ là ý thức, mỗi mỗi đều sai khác, thể lãnh thọ nghĩa, đã nói ý thức mỗi mỗi riêng thọ, rõ ràng không có thức khác.

Hỏi: Lăng-già, Niết-bàn đều nói một thức, sở lập của sư này bèn giúp kinh kia, tại sao luận chủ nói là tà chấp?

Đáp: Ý Lăng-già nói Thức thứ bảy nương chủng thứ tám mới được sinh, nên nói Thức thứ tám khởi các sóng thức, chẳng phải nói Thức thứ tám chuyển thành bảy thức kia. Ý của kinh Niết-bàn cho rằng sáu thức kia tánh là đồng cho nên lập một thức, y căn phân thành sáu, chẳng phải sáu thể có một tên gọi làm một thức. Kinh kia cho rằng, như tánh một sắc, tùy theo năm căn duyên, được tên năm trần, lẽ nào nói một sắc thể tức một ư? Năm cảnh tuy khác nhưng nghĩa biến ngại thì đồng, đồng thuộc một uẩn nên gọi là một sắc, thức lẽ ra cũng như vậy, tánh liễu biệt đồng một uẩn nhiếp, nên gọi là một thức. Cho nên trong kinh Niết-bàn quyển 14 ghi: “Nhân thức tánh khác, nhân đến ý thức tánh khác, thế nên vô thường”. Nếu chỉ một thể làm sao nói khác? Cho nên phải

hiểu như trước, nếu không như vậy thì trước sau lẽ nào tự mâu thuẫn!

Lại kinh Niết-bàn quyển 39 ghi: “Thí như một ngọn lửa nhân cỏ cây v.v...”, gọi là lửa của cây v.v..., ý thứ cũng vậy, nhân nhân căn v.v... gọi là nhân thức v.v... Đây hiển sáu thức đồng chỗ ý nên gọi chung là ý thức. Văn khác chuẩn theo hiểu, lý ấy có thể rõ.

Sớ: Thứ tư, Kinh bộ v.v... chấp.

Hỏi: Ý nói vô sở, rõ ràng ba sở đồng, lẽ nào giúp bản ý?

Đáp: Hoàn toàn không, phần không, gọi chung là vô, nếu không như vậy phần không có bốn chấp làm so nhiếp? Nên trong sớ nói chung cũng không có lỗi, nên trong luận Đại Tỳ-bà-sa quyển 142 ghi: “Tôn giả Giác Thiên nói như vậy: các pháp Hữu vi có hai tự tánh: một là đại chủng, hai là tâm. Lìa ngoài đại chủng không có sắc sở tạo, lìa tâm không có sở, các sắc đều là sự sai biệt của đại chủng, chẳng phải sắc đều là sự sai biệt của tâm”. Nếu sư Kinh bộ có hai giải thích: một là Thí dụ sư chỉ có tâm không có sở, đồng chấp như Giác Thiên. Hai là có tâm sở. Bốn giải thích không đồng, nên luận Thuận Chánh Lý quyển 11 ghi: “Nghĩa là chấp riêng có tâm sở luận, ở trong tâm sở khởi nhiều tranh luận, hoặc chỉ nói pháp ba đại địa, hoặc chỉ nói bốn, hoặc nói có mười, hoặc nói mười bốn”.

Giải thích rằng: Như kể đến nói thọ, tưởng, tư, nói bốn thì thêm xúc, nói mười tức là pháp mười đại địa, mười bốn thì thêm tham, sân, si, mạn.

Luận: Cho nên tạo luận này.

Đoạn văn kết này hai sư trước cũng có, ở trên nói “nay tạo luận này”, hai sư sau theo lý cũng có, không muốn dài dòng nên hiển bày lẫn nhau.

Sớ: Khoa thứ hai là ba phần.

Có thuyết nói tướng, kiến, tự thể gọi là ba phần.

Biện rằng: Không đúng, vì ba phần vốn là do Trần Na lập, lại cũng nên nói bốn phần, hai phần thành lập Duy thức, vì Hộ Pháp, Nan-đà giải thích luận này, tại sao lại dùng ba phần để làm thành? Trong ba mươi bài tụng, ba phần này nhiếp bao nhiêu? Hoàn toàn không có hành tướng thành tại sao lại có?

Sớ: Chuẩn theo Du-già, Nhiếp luận v.v...

Du-già là nghĩa tương ứng, cảnh hạnh quả cả ba đều tương ứng, tức là sở thuyên, luận từ sở thuyên nên gọi là luận Du-già. Trong Nhiếp luận phần Chánh tông nói mười thù thắng. Trong mười thù thắng thì tám loại trước là nhân, hai loại sau là quả. Căn cứ trong tám loại trước,

hai loại đầu là cảnh, sáu pháp kế là trí, trí tức hạnh. Hai luận này chánh tông đã nói, chỉ có cảnh hạnh quả, trong Duy thức chuẩn theo luận cũng lấy cảnh hạnh quả làm sở tông của chánh tông.

Sớ: Tâm cùng cảnh ngấm hợp.

Khen ngợi tâm trí Thánh thân chứng cảnh, lìa nơi vọng chấp nên nói cùng cảnh ngấm hợp, thể diệu thù thắng công năng không ai sánh kịp, được thắng đức nên gọi là thần hội.

Có thuyết nói, như thứ lớp phối hợp với Hậu đắc và Căn bản trí. Lại nói, Căn bản trí duyên Như gọi là tâm cảnh ngấm hợp. Thế đệ nhất pháp gọi là trí, Kiến đạo gọi là thần.

Biện rằng: Tuy là xuyên tạc nhưng hoàn toàn không có chỗ căn cứ, có lý do gì? Hậu đắc và Căn bản trí riêng gọi là tâm trí. Cảnh của Bản trí mà gọi thần ư? Tại sao Hữu lậu cùng Vô lậu kiến lại có nghĩa để hiểu?

Sớ: Do tám chuyển thanh giải thích thế gian.

Xét kinh ấy quyển 498 ghi: “Sáu pháp Ba-la-mật là nhân duyên gì? Gọi là thế gian và xuất thế gian. Nay Xá-lợi-phất! Thế gian nghĩa là sáu pháp Ba-la-mật, vì đây là thế gian, nhấn đến nương thế gian nên gọi là thế gian. Nay Xá-lợi-phất! Xuất thế gian nghĩa là sáu Ba-la-mật, vì đây là xuất thế gian, vì cứu vớt xuất thế gian, vì từ thế gian mà ra, vì thế gian mà xuất, vì từ thế gian xuất, vì xuất thế gian, vì y thế gian xuất, gọi là xuất thế gian”.

Biện rằng: Chuẩn theo kinh văn này, trong sớ dẫn rằng là thế gian xuất gọi là thế gian. Chữ xuất là dư thừa, tiêu đề và quyển đề cũng lầm.

Sớ: Về sau bèn có tướng, kiến.

Hỏi: Tướng kiến hai phần phát từ vô trí, tại sao về sau mới có?

Đáp: Đúng về thuyết tăng thêm, như kinh Pháp Hoa nói “lại vào nhà này”. Lại từ vô trí tướng kiến cũng do huân tập, huân tập rồi sau khởi, huân tập tướng kiến khởi rất nhiều nên nói “về sau”.

Sớ: Nếu An Tuệ giải thích đến biệt thì vô y, tổng thì vô đẳng.

Sở chấp ngã pháp Thánh giáo đã không, tại sao Thánh giáo cũng không có y vô? Cho nên phải giải thích riêng. Ngã pháp mà thế gian nói của tông ấy và một phần Thánh giáo do Bồ-tát, Nhị thừa biến hiện, điều này không có y vô, do tâm Hữu lậu đều gọi là chấp. Nếu tâm Vô lậu của các Bồ-tát và Phật hiện, đều gắng gượng thi thiết, nghĩa nương theo thể, không trái chánh lý.

Hỏi: Nếu vậy, hai phần đều là sở chấp, tâm ấy không có hai phần

nương đâu giả nói?

Đáp: An Tuệ giải thích rằng, y hai phần và lại y thế gian, một phần Thánh giáo, nếu tâm Vô lậu, Phật sở hiện v.v... đều nương tự chứng giả nói. Lại đây cũng được nương thức sở biến, trong tự chứng phần phân biệt nói có năng sở biến, nếu y giải thích này nói sở biến chưa được gọi là hai phần kiến tướng.

Biện rằng: Trừ Phật ra, tâm Vô lậu khác, trong truyện có hai giải thích: một là không có chấp vì có hai phần; hai là không có chấp vì hai phần Vô lậu chẳng phải hư vọng. Luận quyển 8 ghi: “Tám thức tâm tâm sở Hữu lậu sở nhiếp đều có chấp”, đã lựa chọn Vô lậu, hoặc tâm Vô lậu đều không có tướng kiến. Sở và lại nương Đệ nhất nghĩa nói, hai phần đã chấp, chư Phật liền không, vì ngã pháp không nương Phật lập, y các bậc Thánh khác là tâm Hữu lậu, gọi là không có y vô. Căn cứ một nghĩa này, lý cũng không có lỗi, đủ như trong Nghĩa Đăng giải thích.

Sớ: Năng biến của sở biến này có ba loại.

Luận nói: “Này” tức là sở biến của nó, thể sở biến tức kiến phần và tướng phần. Đây có hai nghĩa: Một, “này” là thức năng biến này; hai, “này” là ngã và pháp này. Ngã pháp này nương thức năng biến của kiến tướng, vì có ba loại.

Biện rằng: Bản giải thích là chính, vì sao? Nói “này” là nghĩa trình bày. Trước nói ngã pháp nương thức sở biến, đã nói sở biến, ắt có năng biến nên khác với lời trước, năng biến này có ba, rõ biết lời này thuộc về sở biến, nếu vậy văn thế năng biến đây đoạn xa. Lại ngã pháp đây không thể vì nói ngã pháp tức là sở biến, chẳng phải là kiến tướng, kiến tướng lại chẳng phải ngã pháp sở y, đã có lẫn lộn này, cho nên giải thích theo bản sở.

Sớ: Ba pháp chuyển nương nhau, ngã pháp nương tướng kiến, tướng kiến nương thể của thức.

Hỏi: Vì sao tụng nói ngã pháp gọi kiến tướng kia là đây?

Đáp: Đối với tự chứng phần xa gần sai khác nên lập lời kia đây, ba pháp chuyển y xa gần sai khác.

Sớ: Tư lương tức là thức, chuẩn theo giải thích trước thích.

Dị thực có hai giải thích nhưng chuẩn theo Trì nghiệp, vì sao? Đã nói tư lương, rõ ràng chẳng phải là chủng, vì chủng vị không có nghĩa tư lương, cho nên trong số chỉ nói tư lương tức thức là chuẩn theo giải thích trước.

Sớ: Nhưng lẫn lộn Thức thứ bảy.

Hỏi: Vì sao không nói lẫn lộn Thức thứ tám?

Đáp: Thức thứ tám duyên chung cảnh ba loại, không lẫn lộn nên không nói.

Hỏi: Nếu vậy Thức thứ sáu duyên khắp các cảnh, lẽ ra không được gọi là liễu biệt cảnh thức?

Đáp: Là do căn đối cảnh được gọi là liễu biệt.

Hỏi: Tương căn cảnh đối với Thức thứ bảy, thứ tám phải như vậy?

Biện rằng: Chuẩn theo đây nói lẫn lộn Thức thứ bảy, thứ tám cũng được. Số căn cứ hiển tướng mà nói lẫn lộn Thức thứ bảy.

Sớ: Y thứ hai, thứ ba đến tướng không khác.

Hỏi: Vì sao không biện Thắng nghĩa ban đầu?

Đáp: Ban đầu căn cứ Thắng nghĩa để nhưng có hai giải thích:

1. Thể ban đầu tức tục thứ hai, trong tục thứ hai có thể nói Thức thứ tám sai khác, nên trừ chân ban đầu.

2. Thể chân ban đầu tuy tức tục thứ hai, tục thì kém chân thì thù thắng, nên trong chân ban đầu cũng không có Thức thứ tám sai khác. Nay nương giải thích ban đầu, cho nên trừ chân ban đầu, như Thức thứ bảy sau trong số tự có hai cách giải.

Sớ: Cũng chẳng phải thể loại riêng có chín thức.

Ý giải thích này nói, chẳng phải thể sai khác, loại sai khác hợp có chín thức.

Sớ: Lẫn lộn với Lân cận.

Hỏi: Hoàn toàn thủ tên khác có thể gọi là Lân cận, nay nói Di thực, tư lương, liễu biệt tự tha đều nói, làm sao thành Lân cận?

Đáp: Lân cận thích, pháp thủ đồng thời để lập tên của chính nó, nếu nói không kịp, sợ rằng nói di thực do cùng tư lương liễu biệt đồng thời, di thực gọi là tư lương liễu biệt, cũng không có lỗi. Lục thích sai biệt, như Pháp Uyển và Quyết Trạch giải thích đủ.

Sớ: Hợp làm hai văn.

Ban đầu lược giải thích tụng, toàn bộ văn luận phân làm hai đoạn:

1. Giải thích riêng ba câu kết hợp làm một đoạn.

2. Giải thích chung hai câu, kết hợp làm một đoạn. Có hai loại kết hợp nên gọi là kết hợp làm hai văn.

Sớ: Làm chung ba văn khoa.

Ban đầu lược giải thích tụng một đoạn luận văn, làm chung ba đoạn gọi chung ba văn.

Sớ: Trước là cộng tướng.

Quý gọi là trước, còn trước sau khác đều chuẩn theo đây mà biết.

Lại bốn cặp đối trước, không đứng về thứ lớp để phối hợp quỹ trì, lấy nghĩa phối hợp. Có nghĩa là quỹ chỉ có pháp, trì vừa thông với không có, một tận lý này thừa nhận tông vô nghĩa có thể sinh hiểu là nói về bản chất, chẳng phải không có ảnh tượng có thể sinh tâm, nên luận sau nói dụng của duyên ất nương thể thật có.

Biện rằng: Nếu từ thù thắng của nó thì quỹ ở hữu pháp, căn cứ chỉ sinh hiểu thì không có cũng gọi là quỹ, cho nên trong quyển 52 của luận Du-già dùng năm loại lý thành duyên không thức, thức đã duyên không, lẽ nào chẳng phải không pháp sinh cách hiểu về vật? Nếu sinh cách hiểu về vật sao không gọi là quỹ? Nếu vậy tại sao dụng của duyên ất thật?

Đáp: Căn cứ sinh thức thể duyên ất có tự thể, nếu hành giải khởi, nhân không cũng sinh, như lập ngã không, lẽ nào không sinh nó? Ngã không có hành giải nên cũng không trái. Ý của các sơ như trong Nghĩa Đăng giải thích đầy đủ.

Sớ: Mười ba trụ.

Hỏi: Như Phật pháp nói ngã trời cho v.v... sao cũng không gọi là chủng chủng tướng của ngã?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Vả lại căn cứ đặc Thánh và tu hành, không nói các loại khác.
2. Tên gọi trời cho v.v... tuy là tên khác của ngã, nhưng chẳng phải tên chung, cho nên không lấy, nếu lấy mỗi mỗi thì tên sai khác ấy có đến hơn ức. Giải thành trước là chính.

Sớ: Hai hướng bất định

Lược làm hai giải thích:

1. Chỉ có hướng thứ hai, vì siêu việt, thứ lớp có sai biệt. Nếu thứ lớp thì đoạn dục tu hoặc, năm phẩm trước đã khởi bốn đạo, đến Gia hạnh, Vô gián thứ sáu gọi chung là hướng. Hoặc siêu việt, thì ban đầu từ một phen Thuận quyết định phần, thấy mười lăm tâm gọi đó là hướng.

2. Hai loại hướng trước gọi là hai thứ bất định, không chỉ có thứ hai, thứ hai như trước. Hướng thứ nhất là mười lăm tâm trước có đoạn tu hoặc. Có bất đoạn, vì trước phục hay không phục có sai khác.

Biện rằng: Nếu căn cứ tu hoặc đoạn, bất đoạn sai khác, thứ hai có thể thông, nếu lý giáo thì rõ ràng hành tướng sai khác, giải thích trước là thù thắng.

Hỏi: Hướng thứ ba, thứ tư cũng có bất định, vì sao chỉ nói hai?

Đáp: Căn cứ luận đã nêu, sơ lược không nói thứ khác.

Sớ: Sùng tụ sinh nhân.

Sùng tụ tức là tên khác của tích tụ, là nghĩa của uẩn. Câu-xá tụng rằng: “Tụ, sinh môn, chủng tộc; là nghĩa uẩn, xứ, giới”.

Giải thích rằng: Tất cả các sắc lược thành một tụ gọi là sắc uẩn, do nghĩa tụ này mà nghĩa uẩn được thành. Uẩn khác cũng vậy, nghĩa là hay sinh trưởng pháp tâm tâm sở nên gọi là xứ, đây có thể sinh trưởng nghĩa tác dụng kia.

Như trong một quả núi có nhiều đồng, sắc, vàng, bạc v.v... nên gọi là nhiều giới, như vậy một thân có mười tám loại chủng tộc các pháp nên gọi là mười tám giới, trong đây chủng tộc là nghĩa sinh bản, như vậy nhân v.v... là sinh bản của ai? Là đồng loại nhân.

Sớ: Ba thiện xảo khác.

Tất cả có bảy. Sớ chỉ nêu bốn, ba loại sau không nêu, nên nói ba pháp khác.

Sớ: Hoặc bốn thiện xảo.

Luận nêu ba loại, đồng nói đồng có bốn thành bảy thiện xảo, như trong Nghĩa Đăng có nêu.

Hỏi: Thiện xảo là nghĩa gì?

Đáp: Thiện xảo là trí, uẩn v.v... là cảnh, trí duyên uẩn v.v... nên gọi là uẩn thiện xảo, uẩn v.v... theo trí cũng gọi là thiện xảo.

Hỏi: Xét trong kinh Đại Bồ-tát Tạng quyển 8 và quyển 10 nói mười thiện xảo gồm:

1. Y thú thiện xảo, tức là bốn y, nghĩa là y nghĩa v.v...
2. Tư lương, nghĩa là hai phước trí.
3. Niệm trụ, nghĩa là bốn niệm trụ.
4. Bốn chánh thắng, nghĩa là bốn chánh cần.
5. Năm đạo phần, nghĩa là tám v.v... năm căn.
6. Giác phần, nghĩa là bảy giác chi.
7. Đạo phần, là tám Thánh đạo, tám nẻo làm một đạo gọi là Bồ-tát chứng Bồ-đề v.v...
9. Duyên khởi, nghĩa là mười hai duyên.
10. Nhất thiết pháp, nghĩa là vi, vô vi.

Hỏi: Vì sao mười loại mà sớ nêu không đồng?

Đáp: Trung Biên vì đối trị mười ngã kiến, kinh thì vì Bồ-tát tu Ba-la-mật-đa, mỗi loại căn cứ một ý nên lập mười pháp không đồng.

Sớ: Cho nên dùng liễu biệt giải thích nghĩa của thức.

Bản sớ nói, vì giải thích dụng của thức. Có cách giải cho rằng, nếu Hộ Pháp thì kiến phần gọi dụng, vì thể y tha, nếu An Tuệ thì kiến phần không có tự thể, cho nên trên tự thể có dụng của liễu biệt, thuộc

về Y tha tánh.

Biện rằng: Chữ “dụng” là lầm, nên theo nghĩa mà nói, tức Hộ Pháp thức tự thể phần cũng gọi là liễu biệt, không cần phải đứng về kiến để nêu bày thức liễu biệt.

Sớ: Năm chủng loại ấy chẳng phải nhất định câu hành.

Trừ biến hành ra, các tâm sở còn lại đều là chủng loại, tức tham tín v.v... mà không câu hành chung. Có thuyết nói, như thứ tám biến hành kia khi khởi, các thức biến hành chưa chắc khởi.

Biện rằng: Nếu không như vậy, thì nếu do các thức kiến hành không khởi cho nên chỉ nói là tâm, cũng có thể các thức không thường vận hành, tám món kiến hành hằng khởi chỉ nói tâm sở nên biết không thể.

Sớ: Thức đều có tánh cùng thức chung mà lại là có.

Sớ: Luận chỉ có hai tánh y tha, trong nhiếp luận thứ tư như ở sau có dẫn.

Sớ: Nếu không như vậy làm sao gọi là tha tâm trí, nếu cũng không thừa nhận trừ duyên như trí còn bao nhiêu đều có tướng, tức tha tâm trí mà không được thành.

Sớ: Hộ đắc trí v.v... không thủ bên ngoài, giải thích lý do vậy. Đã không thủ bên ngoài, thì nếu tướng bất biến làm sao có thể nói gọi là biết tha tâm. Nếu nói thủ tướng bất biến bên ngoài, lẽ ra đích thân được nó, sao gọi là Duy thức?

Sớ: Như đại tạo sắc, như năng sở tạo tuy đều biệt chủng, nhưng do năng tạo sở tạo mới được khởi tên năng tạo, phải do tâm cảnh kia mới sinh nên nói Duy thức.

Hỏi: Tâm sở cũng do tâm vương mới khởi lẽ ra gọi là thức biến?

Đáp: Chỉ là kiến tướng hai phần do thức mà sinh, lại trên thức này có duyên dụng năng sở, nói biệt chủng là đồng chủng loại, lại vì dụng của thức này đích thân sở thủ. Tâm sở thì không như vậy, lại cũng tự riêng khởi kiến tướng, làm sao được cùng nêu!

Sớ: Tợ y tha có hai phần thể không

Tợ y tha kia có pháp của tự thể, tự thể là không.

Sớ: Như tự chứng phần tướng mạo cũng có.

Nêu sở tợ, như là tợ, tợ tha tự chứng hiện tướng mạo.

Sớ: Vô minh chi thông ba tánh.

Luận về vô minh ắt có chấp kia, trong ba tánh tâm đã có vô minh, rõ biết ba tánh ắt đều có chấp.

Hỏi: Nếu tông Hộ Pháp làm sao khế hội với tánh kia?

Đáp: Chưa thấy văn của Hộ Pháp khế hội với tánh kia, lấy tông Hộ Pháp trong truyện có nhiều cách giải thích:

1. Căn cứ Thức thứ bảy tương ứng với vô minh, có khắp ba tánh vị của sáu Thức trước nên gọi là thông ba tánh.

2. Tùy theo Hữu tông thuyết, họ đứng về phần vị để biện duyên sinh, tất cả năm uẩn trong vị của vô minh chi đều gọi là vô minh, nên thông ba tánh.

3. Pháp chấp là vô minh địa, lấy đây làm duyên gọi là thông ba tánh.

Biện rằng: Ba cách giải đều sai. Sai thứ nhất là vô minh của Thức thứ bảy lẽ nào là vô minh chi? Phát nghiệp chung riêng mới gọi là chi. Sai thứ hai, Hữu tông chỉ nói uẩn của vị vô minh tổng gọi là vô minh, không nói vị năm uẩn kia đồng thời với thiện. Nếu thiện v.v... đồng thời tức là hành chi. Sai thứ ba, không chướng pháp chấp được gọi là vô minh, chấp đang khởi làm sao được cùng các tâm như thiện v.v... đều nói thông ba tánh? Nay làm một giải thích, căn cứ Thức thứ bảy vô minh mà nói, sao gọi là chi?

Đáp: Do sức vô minh của Thức thứ bảy, sáu thức khác mới khởi vô minh năng phát ở nghiệp, tuy chẳng phải chi, thể làm chi duyên xa giả gọi là chi. Căn cứ bên nghĩa này gọi là thông ba tánh. Các giải thích không lựa chọn nên không đồng.

Sớ: Hai chấp có khắp.

Hai chấp đều nương kiến tương hai phần gọi chung là có khắp.

Hỏi: Vì sao tự chứng chỉ có pháp chấp nương.

Đáp: Thật làm hai y, làm pháp nương tựa hiển bày, vì có quỹ trì nên nói có khắp, nghĩa chủ thể ẩn, ẩn nên ta không nói.

Sớ: Chẳng phải có mà tự như có.

Không đồng Chân, chân như vậy thật có gọi là chẳng phải có, từ duyên sinh cho nên chẳng phải thể hoàn toàn không gọi là tự có.

Sớ: Ngã gọi là năng kiến.

Chuẩn theo tông chấp kia, nhãn v.v... các căn gọi là thấy biết v.v... ngã hay lãnh thọ hiểu biết, các căn kia v.v... là thấy biết các việc, tức căn cứ căn bản mà nói, ngã có thể thấy, chấp suy nghĩ là ngã, nghĩa kia nên biết. Có nghĩa do nơi năng thủ thi thiết hai pháp ấy, cho nên nói y kiến lập tên gọi ngã pháp, lý thật chỉ y tướng phần thi thiết, đích thân sở biến kế chỉ có tướng phần. Lại giải thích rằng, y hai phần thông chấp năng sở, kiến năng thi thiết, tướng sở thi thiết, giải thích này lẽ ra hợp với huyền tông Duy thức, do năng biến chấp và sở biến chấp mới có thể

thi thiết tánh sở chấp. Trong số tổng nói là không phân biệt.

Biện rằng: Nếu không chấp ngã làm năng duyên thì có thể như sở đoạn, nếu chấp năng duyên vì sao không nương kiến phần? Kiến phần là năng duyên tự sở chấp, do đây nên nói tự ngã pháp. Lại nay chánh biện chỗ thi thiết ngã pháp, không giải thích nghĩa năng sở biến kế, không thể nói rằng căn cứ năng sở chấp nói kiến tướng, giả sử đứng về biến kế thế gian thì ngã pháp có thể như đã giải thích, ngã pháp của Thánh giáo phải giải thích như thế nào? Lẽ nào ngã pháp của Thánh cũng chỉ có biến kế? Huống gì luận nói y hai phần này thi thiết ngã pháp! Nếu chỉ y tướng chấp ngã năng duyên, tướng phần và ngã thấy đều tướng tự, có lý do gì y tướng thi thiết? Cho nên lý sở đoạn trong số rất rõ.

Số: Trong Nhiếp luận chỉ có hai nghĩa.

Xét luận Vô Tánh quyển 4 và Bản luận ghi: “Tại sao an lập các thức như vậy thành Duy thức tánh?” Lược do ba tướng:

1. Do Duy thức không có nghĩa.

2. Do hai tánh có tướng có kiến, hai thức sai biệt.

3. Do các loại hành tướng sinh khởi, Duy thức là nghĩa không có. Đã nói chỉ có là chuyên chỉ nghĩa khiển trừ. Do hai tánh nghĩa là kiến và tướng, ở trong một thức có hai phần đều chuyển chẳng tức chẳng lìa. Do chủng chủng là hai phần đều có các thứ hành tướng đồng thời khởi, rộng như trong luận ấy giải thích.

Số: Chấp nói ngã pháp.

Chấp chỉ là thế gian, nói tức là Thánh giáo.

Số: Kiến phần biết tự năng thủ cũng thuộc tướng phần.

Đây giải thích Nan-đà không nương kiến phần lập ý ngã pháp, kiến phần sở biến tự tướng năng thủ không khác tướng phần, cho nên ngã pháp đều chỉ nương tướng mà lập, không đồng các nghĩa của Hộ pháp v.v... là tùy theo ý tác giả, không thể trách chung.

Số: Như nêu bày bản hữu đến trong đây để phá.

Đây là sư Hộ Nguyệt không giải thích ba mươi bài Duy Thức Tụng của Thiên Thân, là cùng Hộ Pháp đồng thời đưa ra nghĩa có trái khác, nên nêu để phá.

Số: Như ở đời nói lửa nhưng miệng không bị đốt cháy.

Hỏi: Tên gọi nói về lửa, tên gọi nếu được lửa thì tên gọi đó khiến bị đốt cháy, tại sao lại hỏi miệng bị đốt cháy.

Đáp: Tên nương nơi tiếng, tiếng phát ở miệng, tiếng và tên hai pháp đều chẳng thể đốt cháy, nên mới hỏi ở chỗ phát khiến cho thiêu đốt ở miệng.

Số: Sở biến này cho đến chỉ nói tự tình.

Hỏi: Trước nói Hộ Pháp do có tự không, do trong tự ngoài, nay nói tự tình, tình lẽ nào là ngoài và không có tự thể ư?

Đáp: Thật chỉ tự tình và tự ở trong. Nói tự ngoài v.v... là đứng về tình chấp và tướng sở chấp kia mà nói. Tướng sở chấp là sở biến kế, vì thể là không, nên trong số trước sau luận về nghĩa nói khác, cũng không trái nhau. Có nghĩa luận cho rằng tự hai phần, nhưng có hai giải thích:

1. Tướng tự danh tự, như trong số đã biện.

2. Do chẳng phải thật nên nói là tự. Chẳng phải nghĩa là tự, riêng có sở tự.

Giải thích sau là thù thắng. Thánh giáo ngã pháp cũng nói trong đây, nhưng không thể nói danh tự sở chấp, hoặc chung hai giải thích nhiếp nghĩa mới hết.

Số: Không thừa nhận Mạt-na có pháp chấp.

Hỏi: Tại sao như vậy?

Đáp: Luận nói Thức thứ bảy bốn hoặc tương ứng, đó là ngã kiến, vì không nói pháp.

Hỏi: Vì sao các thức khác thừa nhận có ngã chấp?

Đáp: Luận nói ba cõi hư vọng phân biệt.

Hỏi: Pháp chấp nếu không có, làm sao thành hư vọng? Nếu vậy Thức thứ bảy không có, lẽ ra chẳng phải hư vọng chẳng?

Đáp: Ngã pháp đều vọng, Thức thứ bảy có ngã nên cũng hư vọng, luận như ở sau có dẫn.

Số: Thức thứ tám đến thứ sáu, thứ bảy tự ngã.

Lý thật ra Thức thứ bảy nhưng tự đối với pháp, là nêu số chung, ngã căn cứ năng chấp, chỉ nói thứ sáu, thứ bảy.

Số: Lại giải đến Thức tự thể.

Hỏi: Giải thích sau ý như thế nào?

Đáp: Nếu không có hai tự y tha này thì tự chứng lấy gì làm thân sở duyên? Kiến tướng không có tự thể, không thành duyên.

Hỏi: Nếu vậy, giải thích sau mới là thù thắng, tại sao lại khó biết?

Đáp: Hoặc do chấp chặt mới không có tự thể, Hộ Pháp có khác gì! Hộ Pháp đâu thừa nhận sở chấp hai phần là y tha đâu? Lại tự chứng biến y tha tánh gọi là tướng, kiến. Nướng chấp chặt đây làm ngã pháp, gọi là tự ngã pháp, lại có lỗi gì? Nếu thừa nhận như vậy thì không khác với Hộ Pháp, do đây nên khó biết.

Hỏi: Nếu vậy giải thích trước tức Tự chứng phần không có lỗi thân

duyên?

Đáp: Có tự thể làm duyên là nghĩa của Hộ Pháp. An Tuệ thừa nhận tạm được thành duyên, nên giải thích trước là trội hơn. Lại chuẩn theo An Tuệ, thật pháp sinh giả, như Tự chứng phần sinh tướng kiến, giả pháp sinh thật, như Tự chứng phần từ tự chủng sinh, chủng tử đều là tướng của Thức thứ tám. Có nghĩa năng chấp sở chấp của An Tuệ đều là Tự chứng phần, nghĩa là y tha khởi, nương chấp chặt này mới gọi là hai phần, do ngã pháp này nương tự chứng mà lập. Nói y hai phần lập ngã pháp là tùy theo tâm chấp sinh sở chấp mà nói, do đây An Tuệ cũng nói có không y nơi có, có tự thể là gượng nói hai loại giả.

Biện rằng: Đây cùng với giải thích thứ hai của Bản sơ tên khác mà ý đồng, xem ý của tiên đức này, lấy đây làm thù thắng, nay lấy sơ đoạn, vì sao như vậy? Sở chủ đích thân tham cứu dịch và đích thân vâng theo lời dạy bảo, lẽ nào những kẻ chưa học luận bàn được ư? Lại do thông ba tạng mà diễn kinh, người thông hai tạng lẽ nào sánh kịp!

Sớ: “Nhưng Hộ Pháp” cho đến “biến tợ ngã pháp”.

Hỏi: Thức thứ năm, thứ tám vì sao gọi là tợ ngã pháp?

Đáp: Có kiến tướng phần tợ tướng kiến phần ngã pháp của Thức thứ sáu, thứ bảy, chẳng phải khởi hai chấp gọi là tợ ngã pháp, đủ như trong Nghĩa Đăng giải thích.

Sớ: “An Tuệ” cho đến “đều có chấp”.

Hỏi: An Tuệ kế chấp, tùy theo sở duyên năng thủ sở thủ, chấp thật có ấy mới là tướng kiến, chẳng phải tất cả tâm đều duyên hai thủ, tại sao thức đều có hai phần?

Đáp: Tùy sở chấp, cảnh chưa chắc đồng thời, tổng nói các tâm có thể làm bốn câu. Chỉ có duy tướng chẳng phải kiến là Thức thứ năm, thứ tám; chỉ có kiến chẳng phải tướng là Thức thứ bảy; có hai phần đều đồng thời có là Thức thứ sáu; có hai phần đều đồng thời không là thức Vô lậu, nhưng Thức thứ sáu chưa hẳn đều đồng thời. Ý nói các thức duyên với kiến tướng có sai khác.

Biện rằng: Nay xem giải thích này, đáp hỏi bất tận, lại chẳng phải thỏa đáng, nguyên bản không hỏi duyên cảnh sai biệt, cho nên đáp không thỏa đáng, không nói lý do hai phần sinh, đây là bất tận, nguyên do hai phần sinh, giải thích đúng như trong Nghĩa Đăng. Nay lại giải thích rằng, tùy theo một duyên, thức Hữu lậu khởi ắt có tướng của năng duyên, sở duyên, thiếu một thì không thể, cho nên thức lại khởi hai phần câu sinh, chẳng phải do sở duyên đủ kiến tướng hai phần, sau đó hai phần mới khởi.

Hỏi: Hữu lậu đều chấp, sao tâm Hữu lậu tự chứng phần v.v... đều chẳng phải hiện lượng?

Đáp: Nghĩa hoặc có thể như vậy.

Hỏi: Nếu như vậy trong Tạp Tập tại sao nói nhãn v.v... gọi là hiện lượng?

Đáp: An Tuệ chỉ hợp với Bản, Thích, đồng bộ sai, tức cho nó là định lượng.

Biện rằng: Kinh cũng nói rõ năm thức hiện lượng, nay nói sai đâu chẳng phải trái giáo? Giải thích đúng lẽ ra nói, vọng chấp khinh trọng gọi là phi hiện lượng, Thức thứ năm, thứ tám chấp vi tế nên gọi là hiện lượng, cũng như Thắng nghĩa, Thế tục thiện v.v...

Sớ: Ba giải thích như trước.

Giải thích ngã pháp phân biệt trước ở trong văn, ba sư giải thích như vậy.

Sớ: Không có cách giải của An Tuệ.

Trước nói nghĩa của An Tuệ có hai giải thích, đây là căn cứ nghĩa đầu, suy nghĩ nên biết.

Luận: “Chỉ tùy theo vọng tình” đến “nên nói là giả”.

Biện đủ như trong số. Có nghĩa hai đoạn văn đây nói ngã pháp thế gian, chỉ tùy theo vọng tình v.v... không có tự thể tùy theo tình giả, nội thức sở biến v.v... do không nương có giả.

Biện rằng: Thánh giáo thế gian đều nói ngã pháp, vì sao nhiều văn chỉ nói ngã pháp thế gian? Lại chuẩn theo lý nào biết chỉ nói ngã pháp thế gian kia? Giả sử cũng nói ngã pháp Thánh giáo kia là trái với văn lý nào? Nên trong số là đúng, vì nghĩa đủ khắp.

Sớ: Giải thích sau không nương bốn Thắng nghĩa.

Nếu tướng phân thù thắng tuy giả, mà hình ở biến kế, là Thắng nghĩa ban đầu, đã một bề phán phân gọi là sai biệt, nên biết chỉ căn cứ thù thắng mà nói.

Sớ: Y nhân hai Đế.

Tổng chỉ bày trước phán phân hai sư đã nói và dẫn luận v.v... người thù thắng biết nên gọi là Thắng nghĩa, điều mà người yếu kém biết gọi là thế tục.

Sớ: Do ở trên lược nói v.v...

Đây tổng kết ngã pháp phân biệt ở văn sau, văn tổng kết đây là nghĩa của Nan-đà. Hộ Pháp cũng nêu, Hộ Pháp không chỉ lập hai phần nên thuộc về Nan-đà, đồng thừa nhận có tự thể nên cũng nêu.

Sớ: Tâm biến tự ngã pháp thuộc về Đồng phần.

Hỏi: Tâm biến tợ pháp tướng tùy thuộc vào uẩn, tức uẩn chấp ngã, thuộc về tướng ưng uẩn chăng?

Đáp: Tức uẩn chấp ngã tướng thật tùy uẩn, lìa uẩn chấp ngã đã không có tướng bản chất, tùy năng biến tâm vương tâm sở để phán phân đối với uẩn, tức thuộc về bốn uẩn. Sở nói đồng phần, lại căn cứ lìa uẩn ngã sở chấp ngay nơi tình hiển hiện tướng thường hằng có khắp gọi là pháp đồng phần, không nói thể của tướng phần sở biến ở trong pháp đồng phần. Lại tướng sở biến không sai biệt nhiều, tướng phần là giả nên thuộc về đồng phần, vì đồng phần rộng, giải thích trước là thù thắng.

Luận: Một là chấp thể cùng khắp.

Hỏi: Tại sao cùng khắp?

Đáp: Xét Quảng Bách luận quyển 3 ghi: Một loại chấp ngoại đạo, ngã cùng khắp tất cả chỗ thọ khổ lạc, ngã không có hình chất, cũng không có động tác, không thể tùy thân qua lại sinh tử, nên biết nội ngã ở khắp tất cả.

Luận: Hai là chấp ngã tùy thân không nhất định.

Hỏi: Ý lập thế nào?

Đáp: Quảng Bách luận ghi: “Một loại ngoại đạo nói như vậy: ngã nếu cùng khắp như hư không, không nên tùy thân thọ các khổ vui, như không giới không có chỗ qua lại, tánh ấy vắng lặng chẳng phải khởi thọ, thế nên ngã tánh lẽ ra như sắc v.v... tùy chỗ thân sở y mà hình lượng ấy không nhất định, tuy không có hình ngại, mà có sở y chuyển biến, tùy thân thọ các khổ vui, tuy nương hình chất có co có duỗi, nhưng thể tánh ngã không sinh không diệt, như nước dầu sôi, tùy nước rộng hẹp, tuy có co duỗi nhưng không tăng giảm”.

Luận: Ba là chấp ngã như một cực vi.

Hỏi: Ý lại thế nào?

Đáp: Quảng Bách luận ghi: Có một loại ngoại đạo lại nói như vậy: nếu thể tánh ngã tùy theo hình lượng, tức lẽ ra như thân có phần có biến. Lại ông chấp ngã tùy thân sở y, tợ nước nương bờ đê, như dầu theo nước, vậy thì ngã đây như nước dầu kia, đã biến đã đổi, hoặc chẳng phải thường chẳng phải một, dẫn đây làm dụ mà nói, ngã thể là thường là trái với lý, thế nên ngã thể trụ ở trong thân, hình lượng rất nhỏ như một cực vi không thể phân tích, tự thể thường hằng không có biến đổi, suy nghĩ, động thân, năng tác, năng thọ.

Sớ: Như một Cù thanh là riêng nói về trâu, trong một Cù thanh nói về chín nghĩa, thú là một số, bao quát tất cả những loài thú chạy.

Nếu nói về trâu, tức một loài riêng trong các thú. Trong Câu-xá luận quyển 5 ghi: “Ở trong chín nghĩa cộng lập một Cù thanh”, nên có bài tụng rằng:

*“Hương, thú, đất, sáng, lời
Kim cương, mắt, trời, nước
Trong chín loại nghĩa này
Người trí lập Cù thanh”.*

Số: Như Phục Hy v.v...

Khéo chiết phục muôn sinh nên gọi là Phục Hy, người có trí chiết phục muôn sinh làm đế chủ.

Số: Như hư không của ông.

Hỏi: Chuẩn theo Số luận sư thì không, duy lượng là chuyển biến vô thường, nhân của thường không chuyển, lẽ nào chẳng phải dụ có năng lập không thành?

Đáp: Trong truyện có ba giải thích:

1. Hai loại có và không của tông ấy: Nghĩa là thường vô thường, thường chẳng thuộc về Đế vì nó là vô vi, cũng như Phật pháp vô vi không nhiếp ở trong uẩn, nên luận chỉ thường không mà dùng làm dụ.

2. Tức một lượng đây hợp phá hai tông, nhân thường biến riêng thuộc Thắng, Số, có khắp chỉ trong Số luận, thường biến đều đối với tông của Thắng luận sư.

3. Như pháp Nhân Minh, nhân dụ không tột lại làm tỷ lượng mà thành lập.

Nay ở đây cũng vậy, trước thành không thường sau đem làm dụ. Lượng rằng: Hư không mà ông chấp lẽ ra chẳng phải chuyển biến vô thường, vì thừa nhận có khắp, như thần ngã v.v... của ông.

Số: Nhân thường biến cũng phạm tùy theo một.

Nói thường biến chẳng phải tự không thừa nhận. Nay nói ngã có, nên tự tông không thành tùy theo một loại. Nay tức là nhân có sở y không thành, ngã của hữu pháp tự không thừa nhận hữu, vì nhân thường biến không có sở y.

Số: “Nếu Đại thừa” đến “trái với tông”.

Trái có hai nghĩa:

1. Tự thừa nhận có ngã, nay lại vì phá nó thành ra tự trái.

Hỏi: Phá tự khổ lạc, không phá thể của ngã, sao thành tự trái?

Đáp: Phá thọ khổ lạc vốn vì phá ngã, nếu không như vậy thì phá ai không thọ khổ lạc!

2. Trong Thánh giáo không nói có ngã, nay thừa nhận có cho nên

thành tự trái, giải thích trước là thù thắng.

Sớ: Vì thừa nhận nghĩa đồng.

Thừa nhận cùng với chấp nên nói nghĩa kia đồng, vì thế luận chỉ có chữ “chấp”. Có thuyết nói, người hiểu Nhân Minh cùng thừa nhận đối với dụ của tha nhân kia đặt thêm chữ “chấp”.

Biện rằng: Hoàn toàn thành hư cấu, giải thích trước là chính.

Sớ: Như sắc đồng xứ không lìa nhau.

Xét trong luận Du-già quyển 65 có ba loại sắc không lìa nhau:

Một là Một xứ chẳng lìa nhau: Nghĩa là các đại chủng và sắc sở tạo đồng trụ một xứ. Giải thích một tức là đồng, năng tạo, sở tạo lại mong nhau, lượng lớn nhỏ xen nhau thể nhập mà không ngăn ngại nhau. Xứ sở đã không khác, gọi là đồng xứ, không khác cực vi hai xứ mà trụ gọi là chẳng lìa nhau. Lại như một con mắt cùng nhìn bảy vật, xen nhau qua lại đồng ở một chỗ, nghĩa là nhãn, thân căn, sắc, hương, vị, xúc, năng tạo đại địa, bảy thứ đều cực vi đồng ở một xứ.

Hỏi: Sở tạo có sáu, năng tạo sao chỉ có một?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Tuy một đại thông sáu năng tạo, nên năng tạo có một.
2. Có sáu, nếu không như vậy sở tạo có sáu, tại sao riêng nói năng tạo có một? Căn cứ địa loại đồng hợp mà nói, như nói một nhãn mà bảy cực vi thành, nhưng thật ra một căn có vô lượng vi, chỉ nói bảy là căn cứ loại bàn luận. Năng tạo cũng vậy.

Hai là Tương tạp chẳng lìa nhau: Giải thích như một nhãn căn có nhiều cực vi, chỗ rất nhỏ của một căn vi có bảy vật đồng trụ, do bảy vật đây đối bảy vật kia, tuy chẳng phải đồng xứ nhưng hòa hợp xen tạp lân cận mà trụ gọi đó là hòa, bảy vật mỗi vật đều có sai khác gọi đó là tạp, không gián cách nên gọi đó là chẳng lìa nhau. Cho nên luận Du-già quyển 3 ghi: “Hòa tạp chẳng lìa nhau, nghĩa là đại chủng cực vi đây cùng các thứ khác tụ tập, năng tạo sở tạo sắc xứ đồng thời”, giải thích trước là đồng xứ chẳng lìa nhau, xứ sở có cực vi gọi là đại chủng cực vi v.v...

Ba là Hòa hợp chẳng lìa nhau: Lại nếu có tụ tập, hoặc đậu mè v.v... nhiếp trì trong các thứ keo, mật và đường v.v...

Giải thích khác đại sở tạo hai tụ hòa hợp, như nhiều đậu v.v... tuy dùng mật v.v... nhiếp trì, hòa hợp thành một khối, nhưng không trộn lẫn với nhau. Lại khác với đại sở tạo, khác với tụ mong nhau gọi là hòa hợp. Chẳng lìa nhau là không gián cách. Lược nêu đại cương, đủ như trong số sao.

Số: “Hữu tình cộng quả” đến “tất cả ngã xứ không sai khác”.

Cộng quả như núi v.v... tuy chỗ không khác, mà thể chẳng phải là ngã, nhưng sở thọ này có thể một lúc thọ, còn lại không thể thọ, ngã có thể làm thọ, lẽ nào được cùng nêu bày!

Số: Lại do nghiệp quả thân làm nhân v.v...

Tông dụ đồng với trước, đối nhân trước rằng: Nghiệp quả và thân cùng các ngã hòa hợp, suy nghĩ nên biết.

Số: Trước nói ba chấp đều thuộc về chấp.

Hỏi: Ngã tư của Số luận, tứ tức là hành uẩn, tại sao ba pháp trước đều lìa uẩn?

Đáp: Tuy ngã là tư nhưng không nói tư là hành uẩn.

Hỏi: Nếu vậy tư thuộc uẩn nào?

Đáp: Luận không lập uẩn nên chẳng phải thuộc về uẩn. Điều này cũng không đúng, như ngay nơi uẩn ngã Phật pháp bàn luận về nó.

Hỏi: Chẳng phải tông khác thừa nhận ở trong uẩn, tư ngã lẽ ra cũng như vậy chẳng?

Đáp: Ngay nơi uẩn chấp, tuy không nói uẩn, nhưng chỉ năm uẩn dùng làm ngã ấy, mà Số luận sư tự nói, tư ngã lìa tâm, tâm sở riêng có tự thể, nên Quảng Bách luận quyển 3 ghi: “Ngoại đạo Số luận nói như vậy: tư tức là ngã, tánh ấy thường trụ”. Luận kia phá rằng: Như vậy tư ngã lìa tâm, tâm sở, riêng có thể tướng khó có thể rõ biết, nên biết tư ngã chẳng phải là tâm sở, thuộc về lìa uẩn.

Hỏi: Trước nói nương kiến lập ngã pháp là như Số luận sư, đâu không mâu thuẫn?

Đáp: Lìa uẩn v.v... là căn cứ tông kia mà nói, nói nương kiến lập là Phật pháp bàn luận tông kia, cho nên số trước sau không trái nhau.

Số: Đại thừa một niệm tức đều được duyên.

Bản chất hữu vô đều duyên gọi là đồng thời. Hữu tông cần phải có chất ảnh tâm duyên, nếu chỉ thiếu chất tâm tức không khởi, gọi là đơn độc không sinh. Tướng chất của Kinh bộ đồng thời với vô tâm sinh nên gọi là đồng thời được khởi. Đây chính là tổng kết ba tông trước sai khác.

Hỏi: Hữu tông tự thừa nhận Thức thứ sáu duyên với hoa đốm trong hư không v.v... chẳng? Nếu thừa nhận duyên, đây tức duyên vô tâm cũng được khởi, nếu không thừa nhận, tức trái với Thánh giáo?

Đáp: Luận tuy thừa nhận duyên, nhưng nhờ hoa thật mới duyên được, lúc duyên hoa đốm trong hư không tùy nương ba đời hoa thật đồng duyên. Thừa nhận pháp ba đời đều thật có, còn lại đều chuẩn theo

biết.

Sớ: Lượng rằng, ngã lẽ ra chẳng phải thường v.v....

Hỏi: Chấp ngã là uẩn, ngã đã là thường, uẩn cũng phải vậy. Nếu không như vậy làm sao nói ngã tức uẩn? Nên biết uẩn là thường, nay dùng làm dụ, dụ thiếu sở lập chẳng?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Trước do lượng thành khiến uẩn vô thường, rồi sau làm dụ. Lượng nói uẩn nhất định vô thường, đợi các duyên, như bình chậu v.v... Lại nếu lập uẩn kia là thường là trái với thế gian, vì thế gian đều biết uẩn vô thường.

2. Họ tuy chấp ngã thể tức là uẩn, thừa nhận ngã vô thường tức gọi là thường.

Hỏi: Nếu vậy tại sao gọi ngã tức là uẩn?

Đáp: Lẽ nào trách đấm người mù để rồi rơi xuống hầm chẳng!

Trong phần phá riêng ở sau cũng có vắn hỏi này, giải thích đồng ở đây, nên không nêu riêng.

Sớ: Căn và thuộc sắc.

Tức phù trần căn gọi là thuộc sắc, vì thuộc ở căn. Cũng có bản nói căn và trần sắc, lời nói tuy có khác nhưng nghĩa không trái nhau.

Sớ: Và vô biểu sắc v.v...

Hỏi: Vô biểu sắc đây tức sắc uẩn bên trong, nay cần gì chỉ bày?

Đáp: Tuy sắc uẩn bên trong mong loại khác, nên riêng phá.

Sớ: Như đã nêu.

Trong luận đã nói, trong đó lia uẩn, ngã lia uẩn, tức là uẩn không thâm nhiếp, nên điều mà ở đây nêu là nhân.

Sớ: Nhưng riêng có tự thể v.v...

Hỏi: Nếu vậy, tại sao không gập là lia uẩn, lại cùng ngã thứ tư của Du-già có khác gì?

Đáp: Tuy riêng có tự thể, thể cùng uẩn của nó chẳng tức chẳng lia, chấp thứ tư kia tuy nói ở uẩn, uẩn cùng ngã kia nhưng tức có khác, cho nên không đồng.

Sớ: “Nếu phá chung” đến “không có đồng dụ”.

Lông rùa v.v... các pháp tuy không thể nói, lấy đó làm ngã, có thể nói chẳng phải ngã. Lượng rằng: Không thể nói chẳng phải ngã, một phần tông đây lông rùa dụ nhưng không được chuyển, nên thiếu dụ.

Sớ: Lẽ ra nhất định nói là uẩn v.v...

Lược có hai giải thích:

1. Tuy đều nói ngã và chẳng phải ngã, họ vốn chấp ngã, lại cũng

nói chẳng phải ngã, cho nên phải gọi là tạp. Như nói ngã, chẳng phải ngã, nhưng thể thật chỉ có ngã, tuy nói uẩn, chẳng phải uẩn, ngã lẽ ra nhất định là uẩn.

2. Đây là chiết phục vặn hỏi, vặn hỏi rằng chấp ngã và uẩn chẳng tức chẳng lìa, chẳng tức chẳng lìa chính là bản chấp, nói ngã chẳng phải ngã cũng hợp bản chấp, tại sao chẳng phải ngã không phải chánh phá? Nên đây phá rằng: Lẽ ra nhất định là uẩn, như tự ngã kia, ngã là chính chấp là bản nghĩa kia. Sở lấy bản ý vặn hỏi khiến tức uẩn, nêu bày ý đồng với trước.

Sớ: “Lại lượng rằng” đến “nên không có lỗi”.

Hỏi: Dụ của Vi, Vô vi làm nghĩa vô vi là thủ trong ngã hay là thủ các ngã khác?

Đáp: Chỉ thủ trong ngã, giải thích đủ như trong Nghĩa Đăng.

Biện rằng: Lập thủ ngoài ngã làm nghĩa vô vi làm dụ cũng được, các vô vi khác có nghĩa không thể nói, có vô vi v.v... mà không ở ngã kia, ngã chẳng phải ngã tụ, trong ngã đã có nghĩa không thể nói, tại sao thuộc về ngã chẳng phải ngã? Dụ có hai lập, có thể làm chánh dụ.

Hỏi: Có các vô vi tại sao lại có nghĩa không thể nói?

Đáp: Vô vi không được nói là Hữu vi, Hữu vi trái với đây.

Hỏi: Nếu vậy tại sao luận nói “hơn nữa đã không thể nói Hữu vi vô vi”, lẽ nào các Hữu vi khác v.v... không thể nói làm Vô vi ư?

Đáp: Hai câu luận thành một lượng của nó, lẽ ra phải phân biệt. Không thể nói là nêu nhân, Hữu vi vô vi là nêu dụ, nhân dụ kết hợp nói nên không có lỗi. Nếu căn cứ thẳng luận, trong luận không nói không ở nơi tụ v.v..., tại sao tông nói đối với ngã chẳng phải ngã tụ cũng không thể nói?

Hỏi: Nếu thủ ngoài ngã, các vi, vô vi khác luận nói “lại cũng” là lại cũng với ai?

Đáp: Do trước vặn hỏi ngã mà chẳng phải là thật, nay lại vặn hỏi nó chẳng phải ngã tụ v.v... nên nói là “lại”. “Cũng” là cũng với Hữu vi vô vi khác, Hữu vi vô vi khác không thể nói, tức không ở nơi ngã chẳng phải ngã tụ, ngã cũng đồng với nó, nên nói “cũng”, điều này nên tư duy kỹ.

Sớ: “Tuy tánh thể thường” đến “chẳng phải cùng thừa nhận”.

Biện rằng: Đây là tha tỷ lượng, phạm tha bất định, làm sao chẳng phải lỗi? Lẽ ra đối nhân rằng: Thừa nhận chẳng phải tự tánh, tác dụng, hoặc có khi không khởi. Đã lựa chọn tự tánh thì liền không có bất định, hoặc có thể tự tánh được đặt trong tông nhưng cùng phá đó cũng không

có lỗi kia. Nhưng giải thích ban đầu thù thắng, vì vốn phá ngã.

Luận: Nếu không có tư lự v.v...

Biện rằng: Sở trừ Tăng-khư, lý thật bao gồm phá nghĩa thọ quả một phần của Số luận, cũng không có lỗi. Lượng rằng: Giải thoát của ông thật ngã, lẽ ra không thể thọ quả vui Niết-bàn, vì thừa nhận không có tư lự, cũng như hư không, tông ấy chấp ngã, khi được giải thoát tuy không có tư lự, nhưng có thể lãnh thọ quả vui Niết-bàn kia, nên phá không có lỗi.

Luận: Lý đều không thành Có hai giải thích:

1. Có lự không có lự đều không thành.
2. Nếu có lự là thường trụ không thành, nếu không có lự thì tác và thọ không thành.

Sớ: “Như đối với Phệ-thế” đến “như chân”.

Hỏi: Chân v.v... của Thắng luận, sáu câu thuộc về câu nào? Đáp: Thuộc về câu thật, tức trong câu thật bốn đại làm thể. **Luận:** Nếu chẳng phải cảnh sở duyên của ngã kiến.

Có hai giải thích:

1. Đồng với sở, ngã thể của ngoại đạo chẳng phải ngã kiến duyên, nên ở sau luận nói, nếu vô ngã kiến năng chứng Niết-bàn.

2. Nếu là cảnh ngã kiến là lập ngăn trách.

Hỏi: Nếu vậy ở sau nói, lại các ngã kiến không duyên ngã v.v... lẽ nào không giúp nhau?

Đáp: Lẽ ra nói ngã. Ngã kiến có hai: Một là chấp trước ngã kiến, hai là tuy duyên ngã mà không chấp trước, trước nhiệm sau tịnh. Nói vô ngã kiến đấng Niết-bàn là căn cứ vô nhiễm kiến, ở sau lập lượng phá, phá nhiệm ngã kiến nên không giúp đỡ nhau. Hai là các tông chấp ngã đều ngã kiến duyên, nên hai lượng sau không có lỗi tương phù, nhưng nói chẳng phải duyên ngã kiến, là lập ngăn trách.

Biện rằng: Nếu nói ngã kiến có hai loại, thì ngã thể kia cũng duyên ngã kiến, tại sao nói chẳng phải cảnh ngã kiến? Nên biết tông ấy là tịnh ngã kiến, không thể lấy làm cách hiểu của ngã, không gọi là ngã kiến.

Sớ: Tuy không làm cách hiểu của Như v.v...

Trí Vô phân biệt tuy lại không làm cách hiểu cho Chân như, nhưng vẫn gọi Chân như duyên, tâm Chân như duyên, ngã của ông lẽ ra cũng vậy, nhưng bản chấp kia lại không thừa nhận.